

TĂNG THEO TỪNG BẬC

NHÓM MỘT

Các pháp tạo tội cần phải biết. [a]¹ Các pháp không tạo tội cần phải biết. [b]²

Phạm tội cần phải biết. Không phạm tội cần phải biết.

Tội nhẹ cần phải biết. Tội nặng cần phải biết. [c]³

Tội còn dư sót cần phải biết. Tội không còn dư sót cần phải biết. [d]⁴

Tội xấu xa cần phải biết. Tội không xấu xa cần phải biết. [e]⁵

Tội có sự sửa chữa được cần phải biết. Tội không có sự sửa chữa được cần phải biết.

Tội đưa đến sự sám hối cần phải biết. Tội không đưa đến sự sám hối cần phải biết.

Tội có sự chướng ngại cần phải biết. Tội không có sự chướng ngại cần phải biết. [f]⁶

Tội là điều quy định do sự chê trách cần phải biết. [g]⁷ Tội là điều quy định không do sự chê trách cần phải biết.

Tội được sanh lên do làm cần phải biết. Tội được sanh lên do không làm cần phải biết. Tội được sanh lên do làm và không làm cần phải biết. [h]⁸

Tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội vi phạm đến sau cần phải biết.

¹ [a] Các pháp tạo nên tội: Là sáu nguồn sanh tội theo ba cửa thân, khẩu và ý (*VinA.* VII. 1319).

² [b] Các pháp không tạo nên tội: Là bảy pháp dần xếp sự tranh tụng (*Sđd.*).

³ [c] Tội nặng: Nếu không tính đến tội *Pārājika* thì tội *Saṅghādisesa* là tội nặng và năm tội còn lại là tội nhẹ (*Sđd.*).

⁴ [d] Tội không còn dư sót: Là nhóm tội *Pārājika*. Tội còn dư sót: Là sáu nhóm tội còn lại (*Sđd.*).

⁵ [e] Tội xấu xa: Là nhóm tội *Pārājika* và *Saṅghādisesa*. Tội không xấu xa: Là năm nhóm tội còn lại (*Sđd.*).

⁶ [f] Vi phạm bất cứ tội nào với sự cố ý là chướng ngại cho cõi trời và là chướng ngại cho sự giải thoát. Còn vi phạm tội vì không biết cũng đáng chê trách nhưng không là chướng ngại cho cõi trời và sự giải thoát (*Sđd.*).

⁷ [g] Điều quy định do sự chê trách: Từ *sāvajjapaññatti* được ngài Buddhaghosa giải thích là *lokavajja*, tức là sự chê trách của thế gian (*Sđd.*); vì thế từ *sāvajjapaññatti* được ghi nghĩa Việt như thế.

⁸ [h] Tội được sanh lên do làm: Nghĩa là trong khi làm thì phạm tội, ví dụ tội *Pārājika*. Tội được sanh lên do không làm: Ví dụ như tội không chú nguyện y mới. Tội được sanh lên do làm và không làm: Ví dụ như tội bảo xây dựng cốc liêu (*Sđd.*).

Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên cần phải biết. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đến sau cần phải biết. [i]⁹

Tội đã sám hối được tính đến cần phải biết. [j]¹⁰ Tội đã sám hối không được tính đến cần phải biết. [k]¹¹

Sự quy định cần phải biết. Sự quy định thêm cần phải biết. Sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra cần phải biết.

Sự quy định [áp dụng] cho tất cả mọi nơi cần phải biết. Sự quy định [áp dụng] cho khu vực cần phải biết.

Sự quy định chung cần phải biết. Sự quy định riêng cần phải biết.

Sự quy định cho một [hội chúng] cần phải biết. Sự quy định cho cả hai [hội chúng] cần phải biết.

Tội là lỗi trầm trọng cần phải biết. Tội là lỗi không trầm trọng cần phải biết. [l]¹²

Tội có liên quan đến người tại gia cần phải biết. Tội không có liên quan đến người tại gia cần phải biết.

Tội [có nghiệp] xác định cần phải biết.¹³ Tội [có nghiệp] không xác định cần phải biết.

Người là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết. Người không là vị vi phạm đầu tiên cần phải biết.

Người là vị vi phạm không thường xuyên cần phải biết. Người là vị vi phạm thường xuyên cần phải biết.

Người là vị cáo tội cần phải biết. Người là vị bị buộc tội cần phải biết.

Người là vị cáo tội sai Pháp cần phải biết. Người là vị bị buộc tội sai Pháp cần phải biết.

Người là vị cáo tội đúng Pháp cần phải biết. Người là vị bị buộc tội đúng Pháp cần phải biết.

⁹ [i] Ngài Buddhaghosa trích dẫn lời giải thích của bộ *Chú giải Kurundī* rằng: Tội vi phạm đầu tiên (*pubbāpatti*) là tội phạm trước hết. Tội vi phạm đến sau (*aparāpatti*) là tội phạm thêm trong thời kỳ xứng đáng hình phạt *Mānatta*. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đầu tiên (*pubbātinam antarāpatti*) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt *Parivāsa*. Tội kế tiếp của các tội vi phạm đến sau (*aparāpattinam antarāpatti*) là tội phạm thêm trong thời kỳ đang thực hành hình phạt *Mānatta* (*Sđđ.* 1319-20).

¹⁰ [j] Tội đã sám hối được tính đến: Nghĩa là tội nào đã được sám hối với ý định: “Sau khi buông bỏ gánh nặng, ta sẽ không vi phạm nữa.” (*Sđđ.* 1320).

¹¹ [k] Tội đã sám hối không được tính đến: Nghĩa là tội nào đã được sám hối vẫn không buông bỏ gánh nặng bởi vì tâm không trong sạch, vẫn còn có sự gắng sức. Chính tội này đầu đã được sám hối nhưng không được tính là đã sám hối. Là tội *Pārājika* của Tỷ-khưu-ni ở vào sự việc thứ tám (*Sđđ.*).

¹² [l] Tội là lỗi trầm trọng và tội là lỗi không trầm trọng được ngài Buddhaghosa giải thích là tội nặng và tội nhẹ như phân ở trên (*Sđđ.*).

¹³ Tội [có nghiệp] xác định là năm nghiệp vô gián như giết cha, giết mẹ, v.v... (*Sđđ.*).

Người đã được xác định cần phải biết. Người chưa được xác định cần phải biết.

Người là vị có thể phạm tội cần phải biết. Người là vị không thể vi phạm tội cần phải biết.¹⁴

Người là vị bị án treo cần phải biết. Người là vị không bị án treo cần phải biết.

Người là vị đã bị trục xuất cần phải biết. Người là vị không bị trục xuất cần phải biết.

Người là vị đồng cộng trú cần phải biết. Người là vị không đồng cộng trú cần phải biết.

Sự đình chỉ cần phải biết.¹⁵

Dứt “Nhóm một.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Các pháp tạo tội, tội vi phạm, các tội nhẹ, còn dư sót, xấu xa, sự sửa chữa luôn cả sự sám hối, có chướng ngại, chê trách và do làm.

2. Do làm và không làm, [tội vi phạm] đầu tiên, tội kế tiếp, tội đã được tính đến, sự quy định, khi chưa xảy ra, tất cả mọi nơi, cho khu vực, [quy định] chung và cho một [hội chúng].

3. Tội trầm trọng, liên quan người tại gia và đã được xác định, vị đầu tiên, không thường xuyên, vị cáo tội, sai Pháp và đúng Pháp, vị đã được xác định, không thể vi phạm, bị án treo, bị trục xuất, đồng cộng trú luôn cả sự đình chỉ, đây là phần tóm lược cho mỗi một điều.

--ooOoo--

NHÓM HAI

1. Có loại tội vi phạm có sự nhận thức, có loại tội vi phạm không có sự nhận thức.

Có loại tội vi phạm của vị đã đạt sự thành tựu, có loại tội vi phạm của vị chưa đạt sự thành tựu. [a]¹⁶

Có loại tội vi phạm liên quan đến Chánh pháp, [b]¹⁷ có loại tội vi phạm không liên quan đến Chánh pháp.

¹⁴ Người không thể phạm tội là chư Phật Chánh Đẳng Giác và chư Phật Độc Giác (*Sđđ.*).

¹⁵ Là sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) (*Sđđ.* 1321). Xem tr. 881 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương IX.

¹⁶ [a] Tội vi phạm của vị đã đạt sự thành tựu và tội vi phạm của vị chưa đạt sự thành tựu: Ví dụ như hai tội về việc tuyên bố pháp thượng nhân của vị có thực chứng và của vị không có thực chứng (*Sđđ.*).

¹⁷ [b] Tội vi phạm liên quan đến Chánh pháp: Như tội dạy đọc pháp theo từng câu, v.v... (*Sđđ.*).

Có loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến vật dụng của người khác. [c]¹⁸

Có loại tội vi phạm liên quan đến chính bản thân, có loại tội vi phạm liên quan đến người khác.

Có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói sự thật vi phạm tội nhẹ. [d]¹⁹

Có vị trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nặng, có vị trong khi nói lời dối trá vi phạm tội nhẹ. [e]²⁰

Có loại tội vi phạm khi ở trên mặt đất [nhưng] không [vi phạm] ở trên khoảng không, có loại tội vi phạm khi ở trên khoảng không [nhưng] không [vi phạm] ở trên mặt đất.

Có loại tội vi phạm trong khi đi ra ngoài không [vi phạm] trong khi đi vào, có loại tội vi phạm trong khi đi vào không [vi phạm] trong khi đi ra ngoài. [f]²¹

Có loại tội vi phạm trong khi áp dụng, có loại tội vi phạm trong khi không áp dụng. [g]²²

Có loại tội vi phạm trong khi thọ trì, có loại tội vi phạm trong khi không thọ trì. [h]²³

Có loại tội vi phạm trong khi làm, có loại tội vi phạm trong khi không làm.

Có loại tội vi phạm trong khi cho, có loại tội vi phạm trong khi không cho.

Có loại tội vi phạm trong khi thuyết giảng, có loại tội vi phạm trong khi không thuyết giảng.

Có loại tội vi phạm trong khi thọ lãnh, có loại tội vi phạm trong khi không thọ lãnh.

Có loại tội vi phạm do sự thọ dụng, có loại tội vi phạm do sự không thọ dụng.

Có loại tội vi phạm ban đêm không [vi phạm] ban ngày, có loại tội vi phạm ban ngày không [vi phạm] ban đêm.

Có loại tội vi phạm vào lúc hừng sáng, có loại tội vi phạm không phải vào lúc hừng sáng.

¹⁸ [c] Tội vi phạm liên quan đến vật dụng của người khác: Ví dụ như tội vi phạm do việc trải ra giường ghế của hội chúng ở ngoài trời đến khi ra đi không thu dọn, v.v... (*Sđđ.*).

¹⁹ [d] Nói lời đâm dật với người nữ dẫu là sự thật bị vi phạm tội nặng, nói về pháp thượng nhân có chứng đắc đến người chưa tu lên bậc trên là nói sự thật vi phạm tội nhẹ (*Sđđ.*).

²⁰ [e] Khoác lác về pháp thượng nhân không chứng đắc là nói láo vi phạm tội nặng, nói dối cố tình là nói láo vi phạm tội nhẹ (*Sđđ.*).

²¹ [f] Liên quan đến phận sự của vị Tỳ-khưu xuất hành và vắng lai lúc ra đi hoặc lúc đi đến tu viện (*Sđđ.*).

²² [g] Tội vi phạm trong khi áp dụng: Ví dụ như vị Tỳ-khưu-ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước sâu quá hai lòng tay. Tội vi phạm trong khi không áp dụng: Ví dụ như vị Tỳ-khưu không áp dụng cách làm dẩu y mới (*Sđđ.*).

²³ [h] Tội vi phạm trong khi thọ trì: Ví dụ như thọ trì pháp cầm nín của ngoại đạo. Còn tội vi phạm trong khi không thọ trì: Ví dụ như vị bị hình phạt lại không thực hành các phận sự (*Sđđ.* 1322).

Có loại tội vi phạm trong khi cắt đứt, có loại tội vi phạm trong khi không cắt đứt. [a]²⁴

Có loại tội vi phạm trong khi che đậy, có loại tội vi phạm trong khi không che đậy. [b]²⁵

Có loại tội vi phạm trong khi sử dụng, có loại tội vi phạm trong khi không sử dụng.

2. Hai lễ *Uposatha*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm.

Hai lễ *Pavāraṇā*: Lễ ngày mười bốn và lễ ngày mười lăm.

Hai loại hành sự: Hành sự với lời công bố và hành sự với lời đề nghị. Hai loại hành sự khác nữa: Hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai sự việc của hành sự: Sự việc của hành sự với lời công bố và sự việc của hành sự với lời đề nghị. Hai sự việc của hành sự khác nữa: Sự việc của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự việc của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai sự sai trái của hành sự: Sự sai trái của hành sự với lời công bố và sự sai trái của hành sự với lời đề nghị. Hai sự sai trái của hành sự khác nữa: Sự sai trái của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự sai trái của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai sự thành tựu của hành sự: Sự thành tựu của hành sự với lời công bố và sự thành tựu của hành sự với lời đề nghị. Hai sự thành tựu của hành sự khác nữa: Sự thành tựu của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì và sự thành tựu của hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phạt án treo vị ấy trong việc không nhìn nhận [tội], hoặc trong việc không sửa chữa [lỗi], hoặc trong việc không từ bỏ [tà kiến ác]. [c]²⁶

Hai nền tảng của sự đồng cộng trú chung: Tự bản thân thực hiện việc đồng cộng trú chung cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất phục hồi cho vị ấy đã bị án treo trong việc nhìn nhận [tội], hoặc trong việc sửa chữa [lỗi], hoặc trong việc từ bỏ [tà kiến ác].

Hai loại tội *Pārājika*: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni. Hai loại tội *Saṅghādisesa*: ...(nt)... Hai loại tội *Thullaccaya*: ...(nt)... Hai loại tội *Pācittiya*: ...(nt)... Hai loại tội *Pāṭidesanīya*: ...(nt)... Hai loại tội *Dukkaṭa*: ...(nt)... Hai loại tội *Dubbhāsita*: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni.

²⁴ [a] Tội vi phạm trong khi cắt đứt: Ví dụ như việc vị Tỳ-khưu cắt đứt dương vật. Còn tội vi phạm trong khi không cắt đứt: Ví dụ như không cắt tóc và móng tay chân (*Sāḍ*).

²⁵ [b] Tội vi phạm trong khi che đậy: Ví dụ như che đậy tội lỗi. Còn tội vi phạm trong khi không che đậy: Ví dụ như vị Tỳ-khưu bị mất y không dùng cỏ hoặc lá cây che lại rồi đi (*Sāḍ*).

²⁶ [c] Xem tr. 452 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương X, tr. 335.

Bảy loại tội, bảy nhóm tội.

Hội chúng bị chia rẽ với hai biểu hiện: Bằng hành sự hoặc do sự phân phát thể.

3. Hai hạng người không nên cho tu lên bậc trên: Người chưa đủ hai mươi tuổi, người có bàn tay, v.v... bị cắt đứt.²⁷ Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: Người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động. [d]²⁸ Hai hạng người khác nữa không nên cho tu lên bậc trên: Người không có đầy đủ [y bát], người có đầy đủ [y bát] nhưng không cầu xin.

Không nên sống với sự nương nhờ vào hai hạng người: Không liêm sỉ và ngu dốt. Sự nương nhờ không nên ban cho đến hai hạng người: Kẻ không liêm sỉ và người có liêm sỉ nhưng không cầu xin.

Sự nương nhờ nên ban cho đến hai hạng người: Kẻ ngu dốt và người có liêm sỉ có cầu xin.

Hai hạng người không thể vi phạm tội: Chư Phật và chư Phật Độc Giác.

Hai hạng người có thể vi phạm tội: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni.

Hai hạng người không thể vi phạm tội với sự cố ý: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các Thánh nhân.

Hai hạng người có thể phạm tội với sự cố ý: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các phàm nhân.

Hai hạng người không thể cố ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các Thánh nhân.

Hai hạng người có thể cố ý vi phạm sự việc có sự vượt quá chức năng: Các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni là các phàm nhân.

Hai sự phản đối: Vị phản đối bằng thân hoặc vị phản đối bằng khẩu.

Hai sự mời ra: Có vị không đáng để chịu sự mời ra nhưng nếu hội chúng mời vị ấy ra, một vị đã được mời ra đúng, một vị đã bị mời ra sai.²⁹

Hai sự nhận vào: Có vị không đáng để được sự nhận vào nhưng nếu hội chúng nhận vào vị ấy, một vị đã được nhận vào đúng, một vị đã được nhận vào sai.³⁰

Hai sự nhận biết: Vị nhận biết bằng thân hoặc vị nhận biết bằng khẩu.

Hai sự nhận lãnh: Vị nhận lãnh bằng thân hoặc vị nhận lãnh bằng vật được gắn liền với thân.

²⁷ *Addhānahīno aṅgahīno* được ghi nghĩa theo *Chú giải* (VinA. VII. 1323).

²⁸ [d] Người không thành tựu về thân thể: Như là người vô căn, người lưỡng căn, loài thú. Còn người đã làm sai trái trong hành động: Như là kẻ trộm tướng mạo Sa-môn, kẻ giết cha, kẻ giết mẹ, v.v... (*Sđđ.* 1323).

²⁹ Xem tr. 413 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương IX, tr. 263.

³⁰ *Sđđ.*, tr. 265.

Hai sự từ khước: Vị từ khước bằng thân hoặc vị từ khước bằng khẩu.

Hai sự gây tổn hại: Sự gây tổn hại về việc học tập và sự gây tổn hại về vật sở hữu.

Hai sự cáo tội: Vị cáo tội bằng thân hoặc là vị cáo tội bằng khẩu.

4. Hai điều vương bận của *Kaṭhina*: Điều vương bận về trú xứ và điều vương bận về y.

Hai điều không vương bận của *Kaṭhina*: Điều không vương bận về trú xứ và điều không vương bận về y.

Hai loại y: Có liên quan đến gia chủ và có liên quan đến vải quăng bỏ.

Hai loại bình bát: Bình bát bằng sắt, bình bát bằng đất.

Hai loại vòng [kê bình bát]: Loại làm bằng kẽm, loại làm bằng chì.

Hai sự chú nguyện bình bát: Vị chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu.

Hai sự chú nguyện y để dùng riêng: Vị chú nguyện bằng thân hoặc vị chú nguyện bằng khẩu.

Hai sự chú nguyện để dùng chung: Sự chú nguyện để dùng chung có mặt và sự chú nguyện để dùng chung vắng mặt.

5. Hai bộ Luật: Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni.

Hai điều liên quan đến Luật: Việc đã được quy định và điều phù hợp với việc đã được quy định.

Hai sự từ khước của Luật: Cắt đứt sự nối liền với điều không được phép, thực hành có chừng mực trong điều được phép.

Vì phạm tội với hai biểu hiện: Vì phạm bằng thân hoặc vì phạm bằng khẩu.

Thoát khỏi tội với hai biểu hiện: Thoát khỏi bằng thân hoặc thoát khỏi bằng khẩu.

Hai hình phạt *Parivāsa*: Hình phạt *Parivāsa* có che giấu, hình phạt *Parivāsa* không có che giấu. Hai hình phạt *Parivāsa* khác nữa: Hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch, hình phạt *Parivāsa* kết hợp.

Hai hình phạt *Mānatta*: Hình phạt *Mānatta* có che giấu, hình phạt *Mānatta* không có che giấu. Hai hình phạt *Mānatta* khác nữa: Hình phạt *Mānatta* nửa tháng, hình phạt *Mānatta* kết hợp.

Sự đứt đêm của hai hạng người: Của vị hành *Parivāsa* và của vị hành *Mānatta*.

Hai sự không tôn trọng: Sự không tôn trọng người và sự không tôn trọng Pháp.

6. Hai loại muối: Muối tự nhiên và muối tự tạo. Hai loại muối khác nữa: Muối biển, muối đen. Hai loại muối khác nữa: Muối ở đá, muối nấu ăn. Hai loại muối khác nữa: Muối romakaṃ, muối pakkālakam.

Hai sự thọ dụng: Sự thọ dụng bên trong và sự thọ dụng bên ngoài.³¹

Hai sự mắng nhiếc: Sự mắng nhiếc thấp kém và sự mắng nhiếc cao quý.³²

Sự đâm thọc với hai biểu hiện: Của vị ao ước được thương hoặc là của vị có ý định chia rẽ.

Vật thực dâng chung nhóm được sanh lên với hai biểu hiện: Do sự thỉnh mời hoặc do sự yêu cầu.

7. Hai thời kỳ vào mùa [an cư] mưa: Thời kỳ trước và thời kỳ sau.³³

Hai sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) sai Pháp.

Hai sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.³⁴

8. Hai hạng người ngu dốt: Vị hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị không hành xử trách nhiệm được yêu cầu. Hai hạng người thông thái: Vị không hành xử trách nhiệm không được yêu cầu và vị hành xử trách nhiệm được yêu cầu.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội và hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp.

Hai hạng người ngu dốt khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Hai hạng người thông thái khác nữa: Hạng nhận biết là sai Luật đối với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đối với việc đúng Luật.

9. Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người: Hạng hối hận về việc không đáng hối hận và hạng không hối hận về việc đáng hối hận. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người: Hạng không hối hận về việc không đáng hối hận và hạng hối hận về việc đáng hối hận.

³¹ Sự thọ dụng bên trong là sự thọ thực và sự thọ dụng bên ngoài là việc thoa xức dầu ở đầu, tay, chân, v.v... (*VinA.* VII. 1324).

³² Điều này và hai điều kế xin xem các điều *Pācittiya* tương ứng 2, 3, 32 (ND).

³³ Xem tr. 171 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương III, tr. 347.

³⁴ Xem tr. 881 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương IX.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép và hạng lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là không được phép đối với việc không được phép và hạng nhận biết là được phép đối với việc được phép.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là phạm tội trong việc không phạm tội và hạng lầm tưởng là không phạm tội trong việc phạm tội. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là không phạm tội trong việc không phạm tội và hạng nhận biết là phạm tội trong việc phạm tội.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Pháp đối với việc sai Pháp và hạng lầm tưởng là sai Pháp đối với việc đúng Pháp. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là sai Pháp đối với việc sai Pháp và hạng nhận biết là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp.

Các lậu hoặc tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng lầm tưởng là đúng Luật đối với việc sai Luật và hạng lầm tưởng là sai Luật đối với việc đúng Luật. Các lậu hoặc không tăng trưởng ở hai hạng người khác nữa: Hạng nhận biết là sai Luật đối với việc sai Luật và hạng nhận biết là đúng Luật đối với việc đúng Luật.

DỨT “Nhóm hai.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Có sự nhận thức, đã đạt được và [liên quan] Chánh pháp, vật dụng và con người, sự thật, mặt đất, trong khi đi ra ngoài, trong khi áp dụng, trong khi thọ trì.
2. Trong khi làm, trong khi cho, trong khi thọ lãnh, do thọ dụng, ban đêm, lúc hùng sáng, trong khi cắt đứt, trong khi che đậy, trong khi sử dụng và lễ *Uposatha*.
3. Lễ *Pavāraṇā*, hành sự và [hai] loại khác nữa, sự việc, [hai] loại khác nữa, sự sai trái, hai điều khác nữa, sự thành tựu, việc không và đồng cộng trú.
4. Tội *Pārājika*, tội *Saṅghādisesa*, tội *Thullaccaya*, tội *Pācittiya*, tội *Pāṭidesanīya*, tội *Dukkaṭa* luôn cả tội *Dubbhāsita* và bảy nhóm tội.
5. [Hội chúng] bị chia rẽ, việc tu lên bậc trên, tương tự y như thế là các cặp đôi khác nữa, không nên sống, không nên cho, có thể và không có thể.
6. Cố ý, có sự vượt quá chức năng, [hai] sự phản đối, sự mời ra, sự nhận vào và [hai] sự nhận biết, sự nhận lãnh, sự khước từ.

7. Vị gây tổn hại, các sự cáo tội và hai điều *Kaṭhina* là tương tợ, [hai loại] y, bình bát, vòng đeo, hai điều chú nguyện là tương tợ y như thế.

8. Sự chú nguyện để dùng chung, [hai] bộ Luật, các điều liên quan Luật, [hai] sự từ khước, vị vi phạm và thoát tội, hình phạt *Pārivāsa*, thêm hai loại khác nữa.

9. Hai hình phạt *Mānatta* và các việc khác, sự đứt đêm, sự không tôn trọng, hai loại muối, ba cặp khác nữa, sự thọ dụng, sự mắng nhiếc.

10. Sự đâm thọc, [dâng] chung nhóm, mùa [an cư] mưa, sự đình chỉ, trách nhiệm, được cho phép, sự không phạm tội, sai Pháp và đúng Pháp, tương tợ như thế về Luật và lậu hoặc.

--ooOoo--

NHÓM BA

1. Có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn còn hiện tiền, không [vi phạm] khi Ngài đã Vô dư Niết-bàn, có loại tội vi phạm khi đức Thế Tôn đã Vô dư Niết-bàn, không [vi phạm] khi Ngài còn hiện tiền, có loại tội vi phạm ngay khi đức Thế Tôn còn hiện tiền luôn cả khi Ngài đã Vô dư Niết-bàn.³⁵

Có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời không [vi phạm] vào lúc sai thời, có loại tội vi phạm vào lúc sai thời không [vi phạm] vào lúc đúng thời, có loại tội vi phạm vào lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời.³⁶

Có loại tội vi phạm vào ban đêm không [vi phạm] vào ban ngày, có loại tội vi phạm vào ban ngày không [vi phạm] vào ban đêm, có loại tội vi phạm vào ban đêm luôn cả vào ban ngày.³⁷

Có loại tội vị mười năm [thâm niên] vi phạm vị kém mười năm không [vi phạm], có loại tội vị kém mười năm [thâm niên] vi phạm vị mười năm không [vi phạm], có loại tội vị mười năm [thâm niên] luôn cả vị kém mười năm đều vi phạm. [a]³⁸

Có loại tội vị năm năm [thâm niên] vi phạm vị kém năm năm không [vi phạm], có loại tội vị kém năm năm [thâm niên] vi phạm vị năm năm không

³⁵ Ví dụ như tội làm đức Phật chảy máu là loại thứ nhất, vấn đề xưng hô vị thâm niên hơn là “āvuso” và “āyasmā” là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (*VinA.* VII. 1324).

³⁶ Ví dụ như tội ăn thêm thức ăn không phải là còn thừa là loại thứ nhất, ăn sai giờ là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (*Sđđ.*).

³⁷ Ví dụ như tội ngủ chung nhà là loại thứ nhất, nghỉ ban ngày không đóng cửa lớn là loại thứ hai, các tội còn lại là loại thứ ba (*Sđđ.*).

³⁸ [a] Ví dụ như trường hợp vị Tỷ-khưu ngu dốt thiếu kinh nghiệm [nghĩ rằng]: “Ta được mười năm” hoặc “Ta hơn mười năm”, rồi bảo tập thể phục vụ, vị được mười năm [thâm niên] phạm tội, vị kém mười năm [thâm niên] không phạm; đây là loại thứ nhất. Trường hợp vị Tỷ-khưu mới tu hoặc trung niên [nghĩ rằng]: “Ta là thông thái có kinh nghiệm” rồi bảo tập thể phục vụ, vị kém mười năm [thâm niên] phạm tội, vị mười năm [thâm niên] không phạm; đây là loại thứ nhì. Còn các tội khác thì vị mười năm [thâm niên] hoặc kém mười năm [thâm niên] đều phạm, là loại thứ ba (*VinA.* VII. 1325).

[vi phạm], có loại tội vi phạm năm năm [thâm niên] luôn cả vi phạm năm năm đều vi phạm. [b]³⁹

Có loại tội vi phạm có tâm thiện, có loại tội vi phạm có tâm bất thiện, có loại tội vi phạm có tâm vô ký. [c]⁴⁰

Có loại tội vi phạm có thọ lạc, có loại tội vi phạm có thọ khổ, có loại tội vi phạm có thọ không khổ không lạc. [d]⁴¹

2. Ba nền tảng của sự cáo tội: Do được thấy, do được nghe, do sự nghi ngờ.

Ba cách phân phát thẻ: Lối kín đáo, sự nói nhỏ vào tai, lối công khai. [e]⁴²

Ba sự khước từ: Sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ, sự không từ khước.

Ba sự chấp nhận: Sự ham muốn ít, sự tự biết đủ, sự từ khước.

Ba sự khước từ khác nữa: Sự ham muốn nhiều, sự không tự biết đủ, sự không biết chừng mực.

Ba sự chấp nhận: Sự ham muốn ít, sự tự biết đủ, sự biết chừng mực.

Ba sự quy định: Sự quy định [lần đầu], sự quy định thêm, sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra. [f]⁴³

Ba sự quy định khác nữa: Sự quy định [áp dụng] cho tất cả mọi nơi, sự quy định [áp dụng] cho khu vực, sự quy định chung [cho Tỳ-khuru và Tỳ-khuru-ni].

Ba sự quy định khác nữa: Sự quy định riêng, sự quy định cho một [hội chúng], sự quy định cho cả hai [hội chúng Tỳ-khuru và Tỳ-khuru-ni].

3. Có loại tội vi phạm ngu dốt vi phạm vi thông thái không [vi phạm], có loại tội vi phạm thông thái vi phạm vi ngu dốt không [vi phạm], có loại tội vi phạm ngu dốt luôn cả vi phạm thông thái đều vi phạm.

Có loại tội vi phạm vào hạ huyền không [vi phạm] vào thượng huyền, có loại tội vi phạm vào thượng huyền không [vi phạm] vào hạ huyền, có loại tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền. [g]⁴⁴

³⁹ [b] Giải nghĩa tương tự như trên với trường hợp sống nương nhờ (*Sđđ.*).

⁴⁰ [c] Trường hợp có tâm thiện ví dụ như vi phạm Tỳ-khuru dạy người chưa tu lên bậc trên đọc pháp theo từng câu hoặc thuyết pháp đến người nữ quá năm sáu câu. Trường hợp có tâm bất thiện như là tội cố gắng làm xuất ra tinh dịch, tội xúc chạm với người nữ. Trường hợp có tâm vô ký là nói về việc phạm tội của các bậc Thánh A-la-hán, ví dụ như việc ngài Anuruddha ngụ chung nhà với người nữ (*Sđđ.*).

⁴¹ [d] Có thọ lạc như là trường hợp vi phạm Tỳ-khuru thực hiện việc đôi lứa. Có thọ khổ như trường hợp vi phạm Tỳ-khuru sân hận bất bình rồi bôi nhọ vi phạm Tỳ-khuru khác với tội *Pārājika*. Có thọ không khổ không lạc là khi phạm tội với tâm quân bình (*Sđđ.*).

⁴² [e] Ba cách phân phát thẻ. Xem tr. 693 trong tập này; *TTPV*, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 413-15.

⁴³ [f] Chỉ có tám trọng pháp của Tỳ-khuru-ni là sự quy định khi [sự việc] chưa xảy ra (*VinA.* VII. 1302).

⁴⁴ [g] Tội vi phạm vào hạ huyền không vi phạm vào thượng huyền: Ví dụ như không vào mùa [an cư] mùa thì phạm tội vào ngày 16 thuộc hạ huyền. Tội vi phạm vào thượng huyền không vi phạm vào hạ huyền: Như là không thực hiện lễ *Pavāraṇā* vào ngày cuối của mùa [an cư] thời kỳ đầu là phạm tội vào ngày 15, thuộc thượng huyền. Tội vi phạm vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền: Là để cập đến các tội khác. Phần được phép và không được phép kế tiếp được giải thích tương tự (*Sđđ.* 1325).

Có việc được phép vào hạ huyền không [được phép] vào thượng huyền, có việc được phép vào thượng huyền không [được phép] vào hạ huyền, có việc được phép vào hạ huyền luôn cả vào thượng huyền.

Có loại tội vi phạm vào mùa lạnh không [vi phạm] vào mùa nóng và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa nóng không [vi phạm] vào mùa lạnh và mùa mưa, có loại tội vi phạm vào mùa mưa không [vi phạm] vào mùa nóng và mùa lạnh. [h]⁴⁵

Có loại tội hội chúng vi phạm, nhóm và cá nhân không [vi phạm]; có loại tội nhóm vi phạm, hội chúng và cá nhân không [vi phạm]; có loại tội cá nhân vi phạm, hội chúng và nhóm không [vi phạm]. [i]⁴⁶

Có việc được phép đối với hội chúng, không [được phép] đối với nhóm và cá nhân; có việc được phép đối với nhóm, không [được phép] đối với hội chúng và cá nhân; có việc được phép đối với cá nhân, không [được phép] đối với hội chúng và nhóm.

Ba sự che giấu: Vị che giấu sự việc [nhưng] không [che giấu] tội vi phạm, vị che giấu tội vi phạm [nhưng] không [che giấu] sự việc, vị che giấu sự việc luôn cả tội vi phạm.

Ba sự che kín: Sự che kín ở trong nhà tắm hơi, sự che kín ở trong nước, sự che kín bằng vải vóc.

Ba việc được vận hành giấu kín không bộc lộ: Người nữ hành xử giấu kín không bộc lộ, chú thuật của Bà-la-môn được vận hành giấu kín không bộc lộ, tà kiến được vận hành giấu kín không bộc lộ.

Ba việc được chiếu sáng bộc lộ không che giấu: Vàng trắng tròn được rọi sáng bộc lộ không che giấu, vàng mặt trời được rọi sáng bộc lộ không che giấu, Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai được rọi sáng bộc lộ không che giấu.

Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian. [a]⁴⁷

Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm, có loại tội vị không bệnh vi phạm vị bị bệnh không vi phạm, có loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bệnh vi phạm. [b]⁴⁸

⁴⁵ [h] Việc không chú nguyện để dùng chung y tắm mưa sau bốn tháng mùa mưa là loại tội vi phạm trong mùa lạnh. Tìm kiếm y tắm mưa trong mùa nắng lúc chưa đến thời kỳ là tội vi phạm trong mùa nóng. Có y tắm mưa vẫn tắm lửa thể là loại tội vi phạm trong mùa mưa (*Sđđ.* 1325-26).

⁴⁶ [i] Vấn đề này và vấn đề kế tiếp được ngài Buddhaghosa giải thích có liên quan đến việc hành lễ *Upasatha* và *Pavāraṇā* của hội chúng, của nhóm và của cá nhân (*Sđđ.* 1326).

⁴⁷ [a] Ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Ngày kế ngày rằm của tháng *Āsāḷhā* (tương đương ngày 16 tháng 6 âm lịch, tức là ngày đầu tiên của mùa an cư mùa mưa đợt đầu) là thời điểm trước nên phân phối, một tháng kế sau ngày rằm của tháng *Āsāḷhā* là thời điểm sau nên phân phối, một ngày sau lễ *Pavāraṇā* cho đến lần an cư mùa mưa kế là thời điểm trung gian nên phân phối. Xem tr. 785 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương VI, tr. 195.

⁴⁸ [b] Loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bệnh không vi phạm: Ví dụ như trường hợp vị Tỳ-khưu bị bệnh cần loại được phẩm này lại yêu cầu loại khác. Loại tội vị không bệnh vi phạm vị bị bệnh không vi phạm: Là trường hợp vị không bị bệnh yêu cầu được phẩm. Loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bệnh vi phạm: Là các tội còn lại (*VinA.* VII.1326).

4. Ba sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Ba sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) đúng Pháp. [c]⁴⁹

Ba hình phạt *Parivāsa*: Hình phạt *Parivāsa* có che giấu, hình phạt *Parivāsa* không có che giấu, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch. [d]⁵⁰

Ba hình phạt *Mānatta*: Hình phạt *Mānatta* có che giấu, hình phạt *Mānatta* không có che giấu, hình phạt *Mānatta* nửa tháng.

Ba sự dứt đêm của vị Tỳ-khưu hành *Parivāsa*: Sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo. [e]⁵¹

Có loại tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài. [f]⁵²

Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không [vi phạm] ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không [vi phạm] ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới. [g]⁵³

Vị vi phạm tội với ba biểu hiện: Vị vi phạm do thân, vị vi phạm do khẩu, vị vi phạm do thân do khẩu. Vị vi phạm tội với ba biểu hiện khác nữa: Vị vi phạm tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân.

Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện: Vị thoát khỏi [tội] do thân, vị thoát khỏi [tội] do khẩu, vị thoát khỏi [tội] do thân do khẩu. Vị thoát khỏi tội với ba biểu hiện khác nữa: Vị thoát khỏi tội ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân.

Ba sự ban cho cách hành xử luật khi không điên cuồng sai Pháp. Ba sự ban cho cách hành xử luật khi không điên cuồng đúng Pháp.⁵⁴

5. Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự khiển trách đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm

⁴⁹ [c] Xem tr. 887-95 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương IX, tr. 437-53.

⁵⁰ [d] Ba hình phạt *Parivāsa* và ba hình phạt *Mānatta* xem ở *Sđđ.*, chương III. Hình phạt *Mānatta* nửa tháng là dành riêng cho Tỳ-khưu-ni. Xem *Bhikkhunīvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu-ni*), *TTPV*, tập 3, chương II, tr. 91.

⁵¹ [e] Xem tr. 561-62 trong tập này; *TTPV*, tập 6, Cv. I, chương II, tr. 167.

⁵² [f] Tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài: Ví dụ như tội chen vào chỗ ngụ có vị Tỳ-khưu khác đã đến trước rồi nằm xuống. Tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên trong: Ví dụ như việc trải ra giường ghế của hội chúng ở ngoài trời rồi ra đi không thu dọn. Tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài là các tội còn lại (*VinA.* VII. 1326).

⁵³ [g] Ngài Buddhaghosa giải thích ba vấn đề này có liên quan đến các phận sự của vị vãng lai là loại thứ nhất, vị xuất hành là loại thứ nhì và các phận sự còn lại là loại thứ ba (*Sđđ.* 1326-27). Xem các phận sự tr. 847 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương VIII, tr. 372.

⁵⁴ Xem tr. 666-67 trong tập này; *TTPV*, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 355-57.

nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.⁵⁵

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị làm hư hỏng các gia đình và có hành động sai trái, những hành động sai trái không những được nhìn thấy mà còn được nghe đồn nữa.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị mắng nhiếc gièm pha người tại gia.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi.

Hội chúng nếu muốn có thể thực hiện hành sự án treo trong việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, ...(nt)... thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị không muốn từ bỏ tà kiến ác.

Hội chúng nếu muốn có thể nghĩ đến [hành phạt] cứng rắn đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Là vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; là vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

⁵⁵ Xem tr. 489 trong tập này; *TTPV*, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 15.

6. Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố khác nữa: Là vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, bị hư hỏng về quan điểm thuộc quan điểm cực đoan.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố khác nữa: Là vị có sự đùa giỡn bằng thân, có sự đùa giỡn bằng khẩu, có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố khác nữa: Là vị có hành vi sai trái bằng thân, có hành vi sai trái bằng khẩu, có hành vi sai trái bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố khác nữa: Là vị có sự gây tổn hại bằng thân, có sự gây tổn hại bằng khẩu, có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố khác nữa: Là vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố khác nữa: Là vị phạm tội đã được thực hiện hành sự, vẫn ban phép tu lên bậc trên, vẫn ban cho phép nương nhờ, vẫn để cho Sa-di phục vụ.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố khác nữa: Là vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự, hoặc tội khác tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy.

Hành sự nên được thực hiện đối với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố khác nữa: Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng.

7. Đối với vị Tỳ-khuru đang đình chỉ lễ *Uposatha* ở giữa hội chúng là vị có ba yếu tố: Vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: “Này Tỳ-khuru, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi” rồi nên tiến hành lễ *Uposatha*.

Đối với vị Tỳ-khuru đang đình chỉ lễ *Pavāraṇā* ở giữa hội chúng là vị có ba yếu tố: Vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch, hội chúng nên áp chế rằng: “Này Tỳ-khuru, thôi đi. Chớ có [gây nên] sự xung đột, sự cãi cọ, sự tranh luận, sự tranh cãi” rồi nên tiến hành lễ *Pavāraṇā*.

8. Không nên ban cho bất cứ sự đồng ý nào của hội chúng đến vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên phát biểu đến hội chúng.

Không nên sắp xếp cho vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch ở bất cứ chỗ nào riêng biệt.

Không nên sống nương nhờ vào vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Phép nương nhờ không nên ban cho đến vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Việc thỉnh ý là không cần thiết trong khi thỉnh ý [để buộc tội] vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Không nên nghe theo lời khuyên bảo của vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Không nên hỏi về Luật [ở] vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên hỏi về Luật.

Không nên trả lời về Luật đến vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên trả lời về Luật.

Không nên ban cho sự thăm vấn [về Luật] đến vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch.

Vị Tỳ-khuru có ba yếu tố: Là vị vô liêm sỉ, ngu dốt và không trong sạch không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên để cho Sa-di phục vụ.

9. Ba lễ *Uposatha*: Lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ *Uposatha* hợp nhất. Ba lễ *Uposatha* khác nữa: Lễ *Uposatha* ở hội chúng, lễ *Uposatha* ở nhóm, lễ *Uposatha* ở cá nhân. Ba lễ *Uposatha* khác nữa: Lễ *Uposatha* với sự đọc tụng, lễ *Uposatha* với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ *Uposatha* với sự chú nguyện.

Ba lễ *Pavāraṇā*: Lễ ngày mười bốn, lễ ngày mười lăm, lễ *Pavāraṇā* hợp nhất. Ba lễ *Pavāraṇā* khác nữa: Lễ *Pavāraṇā* ở hội chúng, lễ *Pavāraṇā* ở nhóm, lễ *Pavāraṇā* ở cá nhân. Ba lễ *Pavāraṇā* khác nữa: Lễ *Pavāraṇā* với ba lần đọc, lễ *Pavāraṇā* với hai lần đọc, lễ *Pavāraṇā* với [các vị] đồng năm tu [đọc một lượt].

10. Ba kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, không thể thoát khỏi điều này: Là kẻ nào không có Phạm hạnh tỏ vẻ là người hành Phạm hạnh; là kẻ nào bôi nhọ vị có Phạm hạnh trong sạch đang thực hành Phạm hạnh hoàn toàn trong sạch với việc phi Phạm hạnh không nguyên cố; và là kẻ nào nói như vậy có quan điểm như vậy về điều này: “Không có sai quấy trong các dục” rồi kẻ ấy lao vào say đắm trong các dục.

11. Ba nguồn gốc bất thiện: Tham là nguồn gốc bất thiện, sân là nguồn gốc bất thiện, si là nguồn gốc bất thiện. Ba nguồn gốc thiện: Vô tham là nguồn gốc thiện, vô sân là nguồn gốc thiện, vô si là nguồn gốc thiện.

Ba ác hạnh: Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh. Ba thiện hạnh: Thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, ý thiện hạnh.

12. Đức Thế Tôn quy định bữa ăn của nhóm ba [Tỳ-khuru] ở các gia đình vì ba điều lợi ích: Nhằm việc trấn áp những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các Tỳ-khuru hiền thiện và vì lòng thương tưởng các gia đình rằng: “Chớ để những kẻ có ước muốn xấu xa nương tựa vào phe nhóm để chia rẽ hội chúng.”⁵⁶

Devadatta có tâm bị xâm chiếm, bị ngự trị bởi ba điều không đúng Chánh pháp là ước muốn xấu xa, bạn hữu xấu xa, đã dừng lại ở giữa pháp thiện và pháp siêu thế [nên trở thành] kẻ phải chịu sự bất hạnh, sanh vào địa ngục, bị đọa trọn kiếp, không thể khác được.

13. Ba sự đồng ý: Sự đồng ý về [việc sử dụng] gây, sự đồng ý về [việc sử dụng] dây, sự đồng ý về [việc sử dụng] gây và dây.⁵⁷

Ba loại giày đặt ở chỗ nhất định, không thể mang đi [nơi khác] là giày ở nhà tiêu, giày ở nhà tiêu, giày ở chỗ súc miệng.⁵⁸

Ba vật chà chân: Cát, sỏi và đá bọt biển.⁵⁹

DỨT “Nhóm ba.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Trong khi còn hiện tiền, hợp thời và ban đêm, mười [năm], năm [năm], [tâm] thiện, [ba] cảm thọ, [ba] nền tảng của sự cáo tội, [ba] loại thể, hai sự khước từ.

2. Sự quy định, hai nhóm khác nữa, vị được phép, vị ngu dốt, lúc hạ huyền, được phép, vào mùa lạnh, hội chúng, thuộc hội chúng, việc che giấu và che kín.

3. Được giấu kín và không bộc lộ, chỗ ngụ, việc bị bệnh, Giới bốn (*Pātimokkha*), hình phạt *Parivāsa*, hình phạt *Mānatta*, các vị hành *Parivāsa*.

4. Bên trong, ở trong ranh giới, vị vi phạm, các cách khác nữa, vị thoát tội và luôn cả các cách khác, hai cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. [Hành sự] khiển trách và chỉ dạy, xua đuổi và hòa giải, về [án treo] không nhìn nhận tội, không sửa chữa, không từ bỏ tà kiến.

⁵⁶ Liên quan đến tội *Pācittiya* 32 về vật thực dâng chung nhóm.

⁵⁷ Xem tr. 737-40 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương V, tr. 79-83.

⁵⁸ Xem tr. 252 trong tập này; *TTPV*, tập 4, Mv. I, chương V, tr. 499

⁵⁹ Xem tr. 736 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương V, tr. 75.

6. [Hành phạt] cứng rắn, hành sự, về tăng thượng giới, đùa giỡn, [có hành vi] sai trái, gây tổn hại, nuôi mạng, tái phạm tội tương tự, chê bai và lễ *Uposatha*.

7. Lễ *Pavāraṇā*, sự đồng ý, sự phát biểu, chỗ riêng biệt, không nên sống, không nên cho, không nên thỉnh ý là tương tự.

8. Không nên ban lời khuyên bảo, không nên thăm vấn có hai và luôn cả không nên trả lời có hai, cũng không nên cho thăm vấn.

9. Các sự thảo luận, việc tu lên bậc trên, sự nương nhờ và vị Sa-di, nhóm ba về lễ *Uposatha*, nhóm ba về lễ *Pavāraṇā*.

10. [Ba] kẻ phải gánh chịu sự bất hạnh, [các nguồn gốc] bất thiện, [các nguồn gốc] thiện, hai nhóm về các hành vi, bữa ăn của nhóm ba, không phải Chánh pháp, sự đồng ý, với giày và luôn cả vật chà chân, đây là sự tóm tắt về nhóm ba.

--ooOoo--

NHÓM BỐN

1. Có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi [tội] do lời nói của người khác; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi [tội] do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của bản thân, thoát khỏi [tội] do lời nói của bản thân; có loại tội vi phạm do lời nói của người khác, thoát khỏi [tội] do lời nói của người khác. [a]⁶⁰

Có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi [tội] do khẩu, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi [tội] do thân, [b]⁶¹ có loại tội vi phạm do thân thoát khỏi [tội] do thân, có loại tội vi phạm do khẩu thoát khỏi [tội] do khẩu.

Có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi [tội] khi thức, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi [tội] khi ngủ, có loại tội vi phạm khi ngủ thoát khỏi [tội] khi ngủ, có loại tội vi phạm khi thức thoát khỏi [tội] khi thức.

Có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi [tội] có ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi [tội] vô ý thức, có loại tội vi phạm vô ý thức thoát khỏi [tội] vô ý thức, có loại tội vi phạm có ý thức thoát khỏi [tội] có ý thức. [c]⁶²

Có loại tội trong lúc vi phạm thì sám hối, trong lúc sám hối thì vi phạm, có loại tội trong lúc vi phạm thì thoát khỏi [tội], trong lúc thoát khỏi [tội] thì vi phạm. [a]⁶³

⁶⁰ [a] Có tội vi phạm do lời nói của bản thân là phạm tội do khẩu, thoát tội do lời nói của bản thân là do việc sám hối, có tội vi phạm do lời nói của người khác là tội có tuyên ngôn nhắc nhở, thoát tội do lời nói của người khác là thoát tội do tuyên ngôn hành sự trong việc giải tội *Saṅghādisesa* (*VinA*. VII, 1328-29).

⁶¹ [b] Thoát khỏi tội do thân là cách dùng cò che lấp của pháp đàn xếp tranh tụng (*Sđđ*. 1329).

⁶² [c] Có tội vi phạm vô ý thức là vi phạm tội không có sự liên quan của tâm, thoát tội có ý thức là vi phạm tội có sự liên quan của tâm, có tội vi phạm có ý thức là vi phạm tội có sự liên quan của tâm, thoát tội vô ý thức là cách dùng cò che lấp (*Sđđ*).

⁶³ [a] Tội trong lúc sám hối thì vi phạm: Liên quan việc các Tỳ-khưu phạm tội giống nhau, ví dụ tội *Pācittiya*, như vậy trong lúc sám hối tội *Pācittiya* thì vi phạm tội *Dukkaṭa*, trong lúc vi phạm tội *Dukkaṭa* thì thoát khỏi tội *Pācittiya*, trong lúc thoát khỏi tội *Pācittiya* thì vi phạm tội *Dukkaṭa* (*Sđđ*).

Có loại tội vi phạm do hành sự [của hội chúng] thoát khỏi [tội] không do hành sự [của hội chúng], có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi [tội] do hành sự, có loại tội vi phạm không do hành sự thoát khỏi [tội] không do hành sự. [b]⁶⁴

2. Bốn sự phát biểu không thánh thiện: [c]⁶⁵ Không thấy nói đã thấy, không nghe nói đã nghe, không cảm giác nói đã cảm giác, không nhận thức nói đã nhận thức.

Bốn sự phát biểu thánh thiện: Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không cảm giác, không nhận thức nói không nhận thức.

Bốn sự phát biểu không thánh thiện khác nữa: Đã thấy nói không thấy, đã nghe nói không nghe, đã cảm giác nói không cảm giác, đã nhận thức nói không nhận thức.

Bốn sự phát biểu thánh thiện khác nữa: Đã thấy nói đã thấy, đã nghe nói đã nghe, đã cảm giác nói đã cảm giác, đã nhận thức nói đã nhận thức.

3. Bốn điều *Pārājika* của các Tỳ-khưu là chung với [có liên quan đến] các Tỳ-khưu-ni. Bốn điều *Pārājika* của các Tỳ-khưu-ni là không chung với [không có liên quan đến] các Tỳ-khưu.

Bốn loại vật dụng: Có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng nên được bảo quản, nên được gìn giữ, không nên xem là của mình, không nên được sử dụng; có loại vật dụng không nên được bảo quản, không nên được gìn giữ, không nên xem là của mình, không nên được sử dụng. [d]⁶⁶

Có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi [tội] với sự vắng mặt; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi [tội] với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự hiện diện, thoát khỏi [tội] với sự hiện diện; có loại tội vi phạm với sự vắng mặt, thoát khỏi [tội] với sự vắng mặt. [e]⁶⁷

Có loại tội vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi [tội] trong khi biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi [tội] trong khi không biết; có loại tội

⁶⁴ [b] Có tội vi phạm do hành sự: Ví dụ như việc không chịu từ bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở của hội chúng, thoát tội không do hành sự: Như trong lúc sám hối. Có tội vi phạm không do hành sự: Như việc làm xuất ra tinh dịch, thoát tội do hành sự như việc thực hành hành phạt *Parivāsa*, v.v... (*Sđđ.*). Phần còn lại nên được giải thích tương tự.

⁶⁵ [c] Xem điều học *Pācittiya* thứ nhất về việc cô tình nói dối trong phần *Pācittiyaṇṇaṇṇa* (*Phân tích Giới Tỳ-khưu*), *TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 630; *TTPV*, tập 2, tr. 5.

⁶⁶ [d] Bốn loại vật dụng: Vật dụng của bản thân là loại thứ nhất, vật dụng của hội chúng là loại thứ nhì, vật dụng dùng ở bảo tháp là loại thứ ba, vật dụng của hàng tại gia là loại thứ tư (*VinA*. VII. 1329-30).

⁶⁷ [e] Ở đây là với sự hiện diện hoặc với sự vắng mặt của hội chúng. Được giải thích tương tự phần [b] ở trên (*Sđđ.* 1330).

vi phạm trong khi không biết, thoát khỏi [tội] trong khi không biết; có loại tội vi phạm trong khi biết, thoát khỏi [tội] trong khi biết. [f]⁶⁸

4. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện: Vi phạm do thân, vi phạm do khẩu, vi phạm do thân do khẩu, vi phạm do tuyên ngôn hành sự. Vị vi phạm tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: Ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính. [g]⁶⁹

Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện: Thoát khỏi [tội] do thân, thoát khỏi [tội] do khẩu, thoát khỏi [tội] do thân do khẩu, thoát khỏi [tội] do tuyên ngôn hành sự.

Vị thoát khỏi tội với bốn cách biểu hiện khác nữa: Ở giữa hội chúng, ở giữa nhóm, trong sự hiện diện của cá nhân, do sự xuất hiện của phái tính. [a]⁷⁰ Với sự đạt được, vị [ấy] từ bỏ [giới tính] trước đây, được xác định trong [giới tính] sau này, các sự yêu cầu được thu hồi, các điều quy định được hủy bỏ. Với sự đạt được, vị [ấy] từ bỏ [giới tính] sau này, được xác định trong [giới tính] trước đây, các sự yêu cầu được thu hồi, các điều quy định được hủy bỏ.

5. Bốn sự cáo tội: Vị cáo tội với sự hư hỏng về giới, vị cáo tội với sự hư hỏng về hạnh kiểm, vị cáo tội với sự hư hỏng về quan điểm, vị cáo tội với sự hư hỏng về nuôi mạng.

Bốn hình phạt *Parivāsa*: Hình phạt *Parivāsa* có che giấu, hình phạt *Parivāsa* không có che giấu, hình phạt *Parivāsa* từ mốc trong sạch, hình phạt *Parivāsa* kết hợp.

Bốn hình phạt *Mānatta*: Hình phạt *Mānatta* có che giấu, hình phạt *Mānatta* không có che giấu, hình phạt *Mānatta* nửa tháng, hình phạt *Mānatta* kết hợp.

Bốn sự dứt đêm của vị Tỳ-khuru hành *Mānatta*: Sự cư ngụ chung, sự cư ngụ tách rời, sự không trình báo, vị thực hành ở nhóm không đủ [Tỳ-khuru]. [b]⁷¹

Bốn pháp dung hòa. [c]⁷²

6. Bốn vật dụng được thọ lãnh: Vật dùng đến hết ngọ, vật dùng đến hết đêm, vật dùng trong bảy ngày, vật dùng đến suốt đời.

Bốn vật dơ có tính quan trọng là phân, nước tiểu, tro và đất sét. [d]⁷³

⁶⁸ [f] Được giải thích tương tự phần [c] của trang 1232 về tội vi phạm vô ý thức và có ý thức (*Sđđ.*).

⁶⁹ [g] Là sự thay đổi giới tính của vị Tỳ-khuru hoặc vị Tỳ-khuru-ni. Ngủ chung chỗ trú ngụ là tội được đề cập đến (*Sđđ.*).

⁷⁰ [a] Thoát khỏi tội do sự xuất hiện của phái tính: Khi thay đổi giới tính, những tội thuộc loại quy định riêng đã vi phạm thì được thoát tội (*Sđđ.*).

⁷¹ [b] Xem tr. 573 trong tập này; *TTPV*, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 189.

⁷² [c] Được ghi lại nghĩa Việt theo Chú giải: “*Cattāro sāmukkaṃsāti cattāro mahāpadesā*” (*VinA*. VII. 1330). Xem chi tiết về bốn pháp dung hòa ở tr. 492 trong tập này; *TTPV*, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 107.

⁷³ [d] Xem thêm điều học *Pācittiya* 40 về tắm xia răng (*Pācittiya* 40 *Bhikkhuvibhaṅga* (*Phân tích Giới Tỳ-khuru*), *TTPV*, tập 2, tr. 251); và bốn loại vật dơ có tính quan trọng. Xem tr. 271 trong tập này; *TTPV*, tập 5, Mv. II, chương VI, tr. 17.

Bốn loại hành sự: Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ nhì, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư.

Bốn loại hành sự khác nữa: Hành sự theo nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất sai Pháp, hành sự theo nhóm sai Pháp, hành sự hợp nhất đúng Pháp. [e]⁷⁴

Bốn sự hư hỏng: Sự hư hỏng về giới, sự hư hỏng về hạnh kiểm, sự hư hỏng về quan điểm, sự hư hỏng về sự nuôi mạng.

Bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. [g]⁷⁵

Bốn điều làm ô uế tập thể: Vị Tỳ-khuru giới hạnh tội có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị Tỳ-khuru-ni giới hạnh tội có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị nam cư sĩ giới hạnh tội có ác pháp là điều làm ô uế tập thể, vị nữ cư sĩ giới hạnh tội có ác pháp là điều làm ô uế tập thể.

Bốn điều làm rạng rỡ tập thể: Vị Tỳ-khuru có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị Tỳ-khuru-ni có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nam cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể, vị nữ cư sĩ có giới có thiện pháp là điều làm rạng rỡ tập thể.

7. Có loại tội vị vắng lai vi phạm vị thường trú không [vi phạm], có loại tội vị thường trú vi phạm vị vắng lai không [vi phạm], có loại tội vị vắng lai luôn cả vị thường trú đều vi phạm, có loại tội vị vắng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm. [a]⁷⁶

Có loại tội vị xuất hành vi phạm vị thường trú không [vi phạm], có loại tội vị thường trú vi phạm vị xuất hành không [vi phạm], có loại tội vị xuất hành luôn cả vị thường trú đều vi phạm, có loại tội vị xuất hành luôn cả vị thường trú đều không vi phạm.

Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm, có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc, có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm, không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm. [b]⁷⁷

⁷⁴ [e] Xem tr. 404 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* I, chương IX, tr. 247.

⁷⁵ [g] Xem tr. 676 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv.* I, chương IV, tr. 377.

⁷⁶ [a] Các tội do không thực hành phận sự của vị vắng lai là phần thứ nhất, các tội do không thực hành phận sự của vị thường trú là phần thứ nhì, các tội do không thực hành các phận sự khác, các tội được quy định riêng cho một hội chúng thì vị vắng lai luôn cả vị thường trú đều không vi phạm (*VinA.* VII. 1331). Nhóm bốn kẻ tiếp được giải thích tương tự.

⁷⁷ [b] Có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm: Ví dụ như bốn tội *Pārājika* có sự khác biệt về sự việc không có sự khác biệt về tội vi phạm. Có sự khác biệt về tội vi phạm không có sự khác biệt về sự việc: Ví dụ như việc xúc chạm cơ thể, Tỳ-khuru phạm *Saṅghādisesa* còn Tỳ-khuru-ni phạm *Pārājika*; hoặc việc nhai tỏi, Tỳ-khuru phạm *Dukkaṭa*, còn Tỳ-khuru-ni phạm *Pācittiya*. Có sự khác biệt về sự việc và có sự khác biệt về tội vi phạm: Là khi so sánh các nhóm tội này với nhóm tội khác. Không có sự khác biệt về sự việc và không có sự khác biệt về tội vi phạm: Là các tội quy định chung cho các Tỳ-khuru và các Tỳ-khuru-ni (*Sdd.*). Nhóm bốn kẻ tiếp về “có sự giống nhau và không có sự giống nhau” nên được giải thích tương tự.

Có sự giống nhau về sự việc không có sự giống nhau về tội vi phạm, có sự giống nhau về tội vi phạm không có sự giống nhau về sự việc, có sự giống nhau về sự việc và có sự giống nhau về tội vi phạm, không có sự giống nhau về sự việc và không có sự giống nhau về tội vi phạm.

Có loại tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không [vi phạm], có loại tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không [vi phạm], có loại tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm, có loại tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm. [c]⁷⁸

Có loại tội thầy dạy học vi phạm học trò không [vi phạm], có loại tội học trò vi phạm thầy dạy học không [vi phạm], có loại tội thầy dạy học luôn cả học trò đều vi phạm, có loại tội thầy dạy học và học trò đều không vi phạm.

8. Bốn duyên có của việc dứt mùa [an cư] mưa không phạm tội: Hoặc là hội chúng bị chia rẽ, hoặc là có những người có ý định chia rẽ hội chúng, hoặc là có nguy hiểm đến mạng sống, hoặc là có nguy hiểm đến Phạm hạnh. [d]⁷⁹

Bốn ác hạnh về khẩu: Lời nói dối, lời nói đâm thọc, lời nói dữ tợn, lời nói nhảm nhí.

Bốn thiện hạnh về khẩu: Lời nói thật, lời nói không đâm thọc, lời nói nhỏ nhẹ, lời nói có mục đích.

Có [trường hợp] trong khi lấy đi vi phạm tội nặng trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ, [e]⁸⁰ có [trường hợp] trong khi lấy đi vi phạm tội nhẹ trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có [trường hợp] trong khi lấy đi lần trong khi ra lệnh vi phạm tội nặng, có [trường hợp] trong khi lấy đi lần trong khi ra lệnh vi phạm tội nhẹ.

9. Có người xứng đáng việc đánh lễ không xứng đáng việc đứng dậy, có người xứng đáng việc đứng dậy không xứng đáng việc đánh lễ, có người xứng đáng việc đánh lễ và xứng đáng việc đứng dậy, có người không xứng đáng việc đánh lễ cũng không xứng đáng việc đứng dậy. [f]⁸¹

Có người xứng đáng với chỗ ngồi không xứng đáng việc đánh lễ, có người xứng đáng việc đánh lễ không xứng đáng với chỗ ngồi, có người xứng đáng với chỗ ngồi và xứng đáng việc đánh lễ, có người không xứng đáng với chỗ ngồi cũng không xứng đáng việc đánh lễ.

⁷⁸ [c] Có tội thầy tế độ vi phạm đệ tử không [vi phạm]: Là phạm sự của thầy tế độ. Có tội đệ tử vi phạm thầy tế độ không [vi phạm] là phạm sự của đệ tử. Có tội thầy tế độ luôn cả đệ tử đều vi phạm là các phạm sự còn lại. Có tội thầy tế độ và đệ tử đều không vi phạm là các tội được quy định riêng cho một hội chúng, còn hội chúng kia không vi phạm. Nhóm bốn kể tiếp về thầy dạy học và học trò nên được giải thích tương tự (*Sđđ.* 1331-32).

⁷⁹ [d] Xem tr. 185-88 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương III, tr. 373-79.

⁸⁰ [e] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: “Trong khi tự tay lấy đi [bước đi] một bước hoặc hơn một bước vi phạm tội nặng, trong khi ra lệnh vi phạm khác với lời chỉ thị rằng: “Hãy mang đi chưa tới một bước” vi phạm tội nhẹ. Ba phạm còn lại nên được hiểu theo phương thức này” (*VinA.* VII. 1332).

⁸¹ [f] Về người xứng đáng và không xứng đáng về việc đánh lễ và việc đứng dậy: Trường hợp vị đang thọ thực trong nhà ăn không thể đứng dậy đối với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ nhất, vị mới tu đối với vị thâm niên hơn đang thực hành *Parivāsa* là trường hợp thứ nhì, vị mới tu đối với vị thâm niên hơn là trường hợp thứ ba và ngược lại là trường hợp thứ tư. Nhóm bốn kể được giải thích tương tự (*Sđđ.*).

10. Có loại tội vi phạm lúc đúng thời không [vi phạm] lúc sai thời, có loại tội vi phạm lúc sai thời không [vi phạm] lúc đúng thời, có loại tội vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời, có loại tội không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời. [a]⁸²

Có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không [được phép] lúc sai thời, có vật thọ lãnh được phép lúc sai thời không [được phép] lúc đúng thời, có vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời, có vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời. [b]⁸³

Có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không [vi phạm] ở trung tâm, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không [vi phạm] ở biên địa, có loại tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có loại tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm. [c]⁸⁴

Có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa không [được phép] ở trung tâm, có việc được phép trong các quốc độ ở trung tâm không [được phép] ở biên địa, có việc được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, có việc không được phép trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm.

Có loại tội vi phạm ở bên trong không [vi phạm] ở bên ngoài, có loại tội vi phạm ở bên ngoài không [vi phạm] ở bên trong, có loại tội vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài, có loại tội không vi phạm ở bên trong luôn cả ở bên ngoài.

Có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới không [vi phạm] ở bên ngoài ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên ngoài ranh giới không [vi phạm] ở bên trong ranh giới, có loại tội vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới, có loại tội không vi phạm ở bên trong ranh giới luôn cả ở bên ngoài ranh giới.

⁸² [a] Tội vi phạm lúc đúng thời không [vi phạm] lúc sai thời: Là sau khi đã ngăn vật thực rồi lại thọ dụng thêm. Tội vi phạm lúc sai thời không [vi phạm] lúc đúng thời: Là thọ dụng vật thực sai thời. Tội vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời: Là các tội còn lại. Tội không vi phạm lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời: Là trường hợp thứ tư liên quan đến các điều đã được quy định riêng cho một hội chúng (*Sđđ.*).

⁸³ [b] Vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời không được phép lúc sai thời: Như là vật thực thọ lãnh trước bữa ăn. Thức uống là vật được phép thọ lãnh vào lúc sai thời và không được phép lúc đúng thời khi đã để qua ngày hôm sau. Vật thọ lãnh được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời, như là vật dùng trong bảy ngày hoặc vật dùng đến suốt đời. Vật thọ lãnh không được phép lúc đúng thời luôn cả lúc sai thời, ví dụ như loại thịt không được phép (*Sđđ.*).

⁸⁴ [c] Tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa không [vi phạm] ở trung tâm: Như việc kết ranh giới ở trên biển. Tội vi phạm trong các quốc độ ở trung tâm không [vi phạm] ở biên địa: Ví dụ như cho tu lên bậc trên với nhóm năm vị, tắm rửa thường xuyên, đồ trải lót bằng da thú, dép có nhiều lớp, v.v... (xem tr. 261 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương V, tr. 513-15). Tội vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm: Là các tội còn lại. Tội không vi phạm trong các quốc độ ở biên địa luôn cả ở trung tâm, là các tội quy định riêng cho một hội chúng, hội chúng kia đâu có thực hiện cũng không vi phạm (*VinA.* VII. 1332-33). Nhóm bốn kể tiếp được giải thích tương tự.

Có loại tội vi phạm ở làng không [vi phạm] ở rừng, có loại tội vi phạm ở rừng không [vi phạm] ở làng, có loại tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng, có loại tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng. [d]⁸⁵

11. Bốn sự cáo tội: Do thấy rõ sự việc, do thấy rõ tội vi phạm, khước từ việc đồng cộng trú, khước từ phận sự đứng đắn.

Bốn nhiệm vụ đầu tiên. [e]⁸⁶ Bốn thời điểm thích hợp. [f]⁸⁷ Bốn tội *Pācittiya* không vì nguyên nhân khác. [g]⁸⁸ Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khuru. [h]⁸⁹

Bốn sự thiên vị: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Bốn sự không thiên vị: Không thiên vị vì thương, không thiên vị vì ghét, không thiên vị vì si mê, không thiên vị vì sợ hãi.

12. Vị Tỳ-khuru vô liêm sỉ chia rẽ hội chúng có bốn yếu tố: Trong khi thiên vị vì thương, trong khi thiên vị vì ghét, trong khi thiên vị vì si mê, trong khi thiên vị vì sợ hãi.

Vị Tỳ-khuru hiền thiện làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ có bốn yếu tố: Trong khi không thiên vị vì thương, trong khi không thiên vị vì ghét, trong khi không thiên vị vì si mê, trong khi không thiên vị vì sợ hãi.

Không nên hỏi về Luật [ở] vị Tỳ-khuru có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Vị Tỳ-khuru có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên hỏi về Luật.

Không nên trả lời về Luật cho vị Tỳ-khuru có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Vị Tỳ-khuru có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi không nên trả lời về Luật.

Không nên ban cho sự thăm vấn [về Luật] đến vị Tỳ-khuru có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

Không nên thảo luận về Luật với vị Tỳ-khuru có bốn yếu tố: Thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi.

⁸⁵ [d] Tội vi phạm ở làng không [vi phạm] ở rừng: Là các điều học *Sekhiya*. Tội vi phạm ở rừng không [vi phạm] ở làng: Như vị Tỳ-khuru-ni đang chờ đợi trời sáng. Tội vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: Như tội nói dối, v.v... Tội không vi phạm ở làng luôn cả ở rừng: Là các tội quy định riêng cho một hội chúng, hội chúng kia không phạm (*Sđđ.* 1333).

⁸⁶ [e] Bốn nhiệm vụ đầu tiên là đề cập đến các nhiệm vụ trong ngày *Uposatha* hoặc *Pavāraṇā* như quét dọn, đèn, nước, chỗ ngồi; hoặc bốn nhiệm vụ đầu tiên khác, là việc đem lại sự tùy thuận và bày tỏ sự trong sạch, tính đếm mùa tiết, tính đếm số lượng Tỳ-khuru và việc giáo giới (*Sđđ.*).

⁸⁷ [f] Bốn thời điểm thích hợp là vào ngày lễ *Uposatha*, các vị Tỳ-khuru với số lượng cần thiết cho hành sự đã đến, các vị không phạm đồng tội, các nhân vật phạm tội không hiện diện (*Sđđ.*).

⁸⁸ [g] Là các tội *Pācittiya* 16, 42, 77, 78 vì có câu “*etadeva paccayaṃ karitvā anaññaṃ pācittiyaṃ*” nghĩa là “Sau khi thực hiện chỉ nguyên nhân ấy không điều nào khác thì phạm tội *Pācittiya*” (*Sđđ.*).

⁸⁹ [h] Bốn sự đồng ý của các Tỳ-khuru: Là đề cập đến việc không phạm các tội *Nissaggiya Pācittiya* 2, 14, 29 và tội *Pācittiya* 9 do đã có được sự đồng ý của hội chúng Tỳ-khuru (*Sđđ.*).

13. Có loại tội vị bị bệnh vi phạm vị không bị bệnh không [vi phạm], có loại tội vị không bị bệnh vi phạm vị bị bệnh không [vi phạm], có loại tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm, có loại tội vị bị bệnh và cả vị không bị bệnh đều không vi phạm.⁹⁰

14. Bốn sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Bốn sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.⁹¹

Dứt “Nhóm bốn.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Do lời nói của bản thân, do thân, khi ngủ và vô ý thức, trong khi vi phạm, do hành sự, bốn sự phát biểu là tương tự.

2. Của các Tỳ-khưu và của các Tỳ-khưu-ni, vật dụng, có sự hiện diện, vào thời điểm không biết, ở giữa [hội chúng], vị thoát tội, có hai cách tương tự.

3. Sự đạt được, sự cáo tội, các hình phạt *Parivāsa* được đề cập đến, vị hành *Mānatta*, [bốn] pháp dung hòa, [bốn] sự thọ lãnh.

4. [Bốn] vật dơ quan trọng, các hành sự, lại thêm các hành sự, các sự hư hỏng, các sự tranh tụng và các hạng có giới hạnh tồi, các điều làm rạn vỡ, với vị vắng lai.

5. Vị [Tỳ-khưu] xuất hành, có sự khác biệt về sự việc và có sự giống nhau, với vị thầy tế độ, thầy dạy học và duyên có, ác hạnh, thiện hạnh.

6. Trong khi lấy, nhân vật, các vị xứng đáng với chỗ ngồi, lúc đúng thời luôn cả điều được phép, được phép ở các xứ ở biên địa.

7. Ở bên trong và ở trong ranh giới, ở làng, về việc cáo tội, nhiệm vụ đầu tiên, thời điểm được thích hợp, không vì nguyên nhân khác và các sự đồng ý.

8. Thiên vị luôn cả không thiên vị, vị vô liêm sỉ với vị hiền thiện, cả hai phần nên vấn, hai phần nên đáp là tương tự, việc thẩm vấn và thảo luận, vị bị bệnh với sự đình chỉ.

--ooOoo--

⁹⁰ Có tội vị bị bệnh vi phạm: Là trường hợp vị bị bệnh cần loại được phẩm này lại yêu cầu loại khác. Có tội vị không bị bệnh vi phạm: Là trường hợp vị không bị bệnh yêu cầu được phẩm. Có tội vị bị bệnh luôn cả vị không bị bệnh đều vi phạm: Ví dụ như tội nói dối, v.v... Có tội vị bị bệnh và cả vị không bị bệnh đều không vi phạm: Là các tội quy định riêng cho một hội chúng (*Sād.*).

⁹¹ Xem tr. 887-95 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương IX, tr. 437-53.

NHÓM NĂM

1. Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện.⁹² Năm nghiệp vô gián. [a]⁹³ Năm hạng người được xác định. [b]⁹⁴ Năm tội vi phạm liên quan đến sự cắt bớt. [c]⁹⁵ Vị vi phạm tội với năm biểu hiện. [d]⁹⁶ Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối. [e]⁹⁷

2. Vị không thuận theo hành sự với năm biểu hiện: Hoặc là không tự mình thực hiện hành sự, hoặc là không thỉnh mời vị khác, hoặc không trao ra sự tùy thuận hay [bày tỏ] sự trong sạch, hoặc là phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là không đúng Pháp về hành sự đã được thực hiện.

Vị thuận theo hành sự với năm biểu hiện: Hoặc là tự mình thực hiện hành sự, hoặc là thỉnh mời vị khác, hoặc là trao ra sự tùy thuận hay [bày tỏ] sự trong sạch, hoặc là không phản đối trong khi hành sự đang được thực hiện, hoặc là có quan điểm là đúng Pháp về hành sự đã được thực hiện.

3. Năm việc được phép đối với vị Tỳ-khuru hành pháp khát thực: Đi không phải xin phép, vật thực dâng chung nhóm, vật thực thỉnh sau, không phải xác định, không phải chuyển nhượng bữa ăn. [g]⁹⁸

4. Vị Tỳ-khuru, dầu là ác Tỳ-khuru luôn cả vị có pháp bền vững, không được tin tưởng và bị nghi ngờ khi có năm yếu tố: Hoặc là có sự lai vãng với điếm, hoặc là có sự lai vãng với góa phụ, hoặc là có sự lai vãng với gái lỡ thời, hoặc là có sự lai vãng với người vô căn, hoặc là có sự lai vãng với Tỳ-khuru-ni.

5. Năm loại dầu ăn: Là dầu mè, dầu hạt mù tạt, dầu có chứa mật ong, dầu cây eraṇḍa, dầu từ mỡ thú. [a]⁹⁹

⁹² Năm sự việc đã được rèn luyện: Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lần ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với năm nhóm tội. Xem tr. 1166 trong tập này; *TTPV*, tập 8, *Parivārapāli* (Tập yếu) I, tr. 317.

⁹³ [a] Năm nghiệp vô gián: Là giết cha, giết mẹ, giết vị A-la-hán, làm [đức Phật] chảy máu và chia rẽ hội chúng (ND).

⁹⁴ [b] Năm hạng người được xác định: Là năm hạng người đã thực hiện năm nghiệp vô gián ở trên (*Sđđ.* 1334).

⁹⁵ [c] Năm tội vi phạm liên quan đến sự cắt bớt: Là năm tội *Pācittiya* 87, 89, 90, 91, 92 liên quan đến việc cắt bớt vật làm quá kích thước là chân giường, tọa cụ, y đắp ghé, y tắm mưa và y có kích thước y của đức Thiệt Thệ (*Sđđ.*).

⁹⁶ [d] Vị vi phạm tội với năm biểu hiện: Là vị vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, làm tương là được phép trong điều không được phép, làm tương là không được phép trong điều được phép (*Sđđ.*).

⁹⁷ [e] Năm loại tội vi phạm do duyên nói dối: Là tội *Pārājika*, *Thullaccaya*, *Dukkaṭa*, *Saṅghādisesa* và *Pācittiya* (*Sđđ.*).

⁹⁸ [g] Năm việc được phép đối với vị Tỳ-khuru hành pháp [đầu-đà] khát thực: “Đi không phải xin phép” là không phải báo cho vị Tỳ-khuru hiện diện khi đi đến các gia đình trước hay sau bữa ăn, hai điều “vật thực dâng chung nhóm” và “vật thực thỉnh sau” là không phải phạm tội đối với hai điều học *Pācittiya* 32 và 33 của Tỳ-khuru, về “không phải xác định” là không phải bận tâm xác định trường hợp được phép, trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm, “không phải chuyển nhượng bữa ăn” là không phải thực hiện việc ấy khi nhận phần vật thực thỉnh sau (*Sđđ.*).

⁹⁹ [a] Năm loại dầu ăn được thấy ở điều học *Pācittiya* 39 (*Pācittiyapāli Bhikkhuvibhaṅga* (Phân tích Giới Tỳ-khuru), *TTPV*, tập 2, tr. 247).

Năm loại mỡ thú: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ cá sấu, mỡ heo rừng, mỡ lừa. [b]¹⁰⁰

6. Năm sự suy sụp: Suy sụp về thân quyền, suy sụp về của cải, suy sụp vì bệnh hoạn, suy sụp về giới, suy sụp về kiến thức.

Năm sự thành tựu: Thành tựu về thân quyền, thành tựu về của cải, thành tựu về vô bệnh, thành tựu về giới, thành tựu về kiến thức.

7. Năm trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy tế độ: Thầy tế độ rời đi, hoặc hoàn tục, hoặc từ trần, hoặc chuyển qua nhóm khác, hoặc sự ra lệnh [đuổi đi] là thứ năm. [c]¹⁰¹

Năm hạng người không nên cho tu lên bậc trên: Người chưa đủ hai mươi tuổi, người có phần cơ thể [bàn tay, v.v...] bị cắt đứt, người không thành tựu về thân thể, người đã làm sai trái trong hành động, người không có đầy đủ [y bát].

8. Năm loại vải quăng bỏ: Loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiệm, bị chuột gặm, bị mối nhấm, bị lửa cháy.

Năm loại vải quăng bỏ khác nữa: Loại bị bò nhai, bị dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc về lễ đăng quang [của đức vua], vải dành cho tôi tớ.

9. Năm sự lấy trộm: Lấy đi theo cách trộm cắp, lấy đi bằng bạo lực, lấy đi có tính toán, lấy đi bằng cách che giấu, lấy đi theo lối [tráo] thãm. [d]¹⁰²

10. Năm hạng cướp lớn hiện hữu được biết đến ở thế gian. [e]¹⁰³

Năm vật không được phân tán. [f]¹⁰⁴

Năm vật không được phân chia. [g]¹⁰⁵

Năm loại tội sanh khởi do thân không do khẩu không do ý.

Năm loại tội sanh khởi do thân và do khẩu không do ý.

Năm loại tội đưa đến việc sám hối.

Năm loại hội chúng. [h]¹⁰⁶

Năm cách đọc tụng Giới bốn (*Pātimokkha*). [i]¹⁰⁷

¹⁰⁰ [b] Năm loại mỡ thú. Xem tr. 264 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VI, tr. 7.

¹⁰¹ [c] Năm trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy tế độ. Xem tr. 80 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương I, tr. 157.

¹⁰² [d] Câu chuyện lấy trộm theo lối tráo thãm được thấy ở điều *Pārājika* thứ nhì, ở phần các câu chuyện dẫn giải (*Pārājikapāḷi* (*Phân tích Giới Tỳ-khuru*), *TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 80; *TTPV*, tập 1, tr. 131).

¹⁰³ [e] Năm hạng cướp lớn. Xem điều *Pārājika* thứ tư về khoe khoang pháp thượng nhân (*Sđđ.* 197-99).

¹⁰⁴ [f] Năm vật không được phân tán. Xem tr. 788-89 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương VI, tr. 203-05.

¹⁰⁵ [g] Năm vật không được phân chia (*Sđđ.* 207-09).

¹⁰⁶ [h] Năm loại hội chúng: Hội chúng Tỳ-khuru với nhóm bốn vị, hội chúng Tỳ-khuru với nhóm năm vị, hội chúng Tỳ-khuru với nhóm mười vị, hội chúng Tỳ-khuru với nhóm hai mươi vị, hội chúng Tỳ-khuru với nhóm trên hai mươi vị. Xem tr. 409 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương IX, tr. 255.

¹⁰⁷ [i] Năm cách đọc tụng Giới bốn (*Pātimokkha*): Gồm bốn cách đọc tóm tắt và cách đọc tụng chi tiết là cách thứ năm. Xem tr. 135 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương II, tr. 271.

Trong các quốc độ vùng biên giới có thể cho tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm là vị năm vững về Luật. [j]¹⁰⁸

Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu. *Kaṭhina*. [k]¹⁰⁹

Năm loại hành sự.¹¹⁰

Năm loại tội vi phạm [khi được nhắc nhở] đến lần thứ ba.¹¹¹

Vị lấy vật không được cho phạm tội *Pārājika* với năm biểu hiện.¹¹²

Vị lấy vật không được cho phạm tội *Thullaccaya* với năm biểu hiện.

Vị lấy vật không được cho phạm tội *Dukkaṭa* với năm biểu hiện.

11. Năm vật không đúng phép không nên thọ dụng: Vật chưa được cho, vật không được biết rõ, vật chưa làm thành được phép, vật chưa được thọ lãnh và vật chưa được làm thành đồ thừa.

Năm vật đúng phép nên thọ dụng: Vật đã được cho, vật đã được biết rõ, vật đã được làm thành được phép, vật đã được thọ lãnh và vật đã được làm thành đồ thừa.

Năm sự bỏ thí không có phước báu được xem là có phước báu thuộc về thế gian: Bỏ thí chất say, bỏ thí đến hội hè [nhảy múa], bỏ thí người nữ, bỏ thí bò đực [vào giữa đàn bò], bỏ thí tranh ảnh [gợi cảm].

Năm điều đã được sanh lên khó trừ diệt: Tham ái đã được sanh lên khó trừ diệt, sân đã được sanh lên khó trừ diệt, si đã được sanh lên khó trừ diệt, sự nói huyền thuyên đã được sanh lên khó trừ diệt, tâm vẩn vơ đã được sanh lên khó trừ diệt.

Năm điều lợi ích trong việc quét chổi: Làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng dịu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, tích lũy nghiệp đưa đến chốn an vui, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế.

Năm điều lợi ích khác nữa trong việc quét chổi: Làm lắng dịu tâm của bản thân, làm lắng dịu tâm của người khác, chư thiên được hoan hỷ, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn.

12. Vị năm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có năm yếu tố: Vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi

¹⁰⁸ [j] Việc tu lên bậc trên ở các xứ vùng biên giới (*Sdd.*, chương V, tr. 513).

¹⁰⁹ [k] Năm sự thuận lợi trong việc thành tựu *Kaṭhina*. Xem tr. 326 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VII, tr. 111.

¹¹⁰ Năm loại hành sự: Là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải và hành sự án treo gồm có ba được tính gộp chung thành một (*VinA.* VII. 1334).

¹¹¹ Năm loại tội vi phạm khi được nhắc nhở đến lần thứ ba: Gồm có giới *Pārājika* thứ 3 của Tỳ-khưu-ni, đề cập 3 loại tội là *Pārājika*, *Thullaccaya*, *Dukkaṭa* và tội *Saṅghādisesa* của Tỳ-khưu về việc chia rẽ hội chúng và *Pācittiya* về tội không chịu từ bỏ tà kiến ác (*Sdd.*).

¹¹² Vấn đề này và hai vấn đề kế tiếp liên quan đến tội *Pārājika* thứ nhì về trộm cắp (ND).

không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện [hành sự] sai Pháp với sự không khẳng định.

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có năm yếu tố: Vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, vị bảo thực hiện [hành sự] đúng Pháp với sự khẳng định.

Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về tội, vị không biết về nền tảng của tội, vị không biết về nguồn sanh tội, vị không biết về sự đoạn diệt của tội, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.¹¹³

Vị nắm vững về luật được xem là “thông thái” khi có năm yếu tố: Vị biết về tội, vị biết về nền tảng của tội, vị biết về nguồn sanh tội, vị biết về sự đoạn diệt của tội, vị biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự tranh tụng, vị không biết về nền tảng của tranh tụng, vị không biết về nhân sanh của tranh tụng, vị không biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, vị không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng. [a]¹¹⁴

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có năm yếu tố: Vị biết về sự tranh tụng, vị biết về nền tảng của tranh tụng, vị biết về nhân sanh của tranh tụng, vị biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, vị biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng.

Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự việc, vị không biết về duyên khởi, vị không biết về điều quy định, vị không biết về điều quy định thêm, vị không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc. [b]¹¹⁵

¹¹³ Vị không biết về tội (như *Pārājika*, *Saṅghādisesa*, v.v...), vị không biết gốc của tội (là thân và khẩu), vị không biết nguồn sanh tội (do thân, không do khẩu, không do ý, v.v...), vị không biết sự đoạn diệt của tội (là sự sám hối), vị không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội là bảy cách dần xếp (*VinA*. VII. 1337-38).

¹¹⁴ [a] Nhóm nắm về sự tranh tụng: Sự tranh tụng tức là bốn sự tranh tụng. Nguồn sanh khởi của sự tranh tụng có 33: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có 12, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có 14, sự tranh tụng liên quan đến tội có 6 và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có 1. Nhân sanh sự tranh tụng là nguồn sanh khởi sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi sanh lên, nương vào 18 sự việc làm chia rẽ hội chúng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách sanh lên do bốn điều hư hỏng, sự tranh tụng liên quan đến tội sanh lên do bảy nhóm tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ sanh lên với bốn hành sự của hội chúng. Không biết sự đoạn diệt của sự tranh tụng: Là không xác định được quan điểm theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư. Không biết sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của sự tranh tụng, là không biết các sự tranh tụng được giải quyết bằng các cách dần xếp nào (*VinA*. VII. 1338).

¹¹⁵ [b] Không biết về sự việc: Là không biết về sự việc của tội *Pārājika*, của tội *Saṅghādisesa*,... của bảy nhóm tội. Không biết về duyên khởi: Là không biết các tội đã được quy định ở đâu. Không biết về sự quy định: Là không biết sự quy định ban đầu của mỗi điều học. Không biết về sự quy định thêm: Là không biết sự quy định thêm về sau. Không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc: Là không biết sự việc theo phương thức liên hệ đến lời nói và liên hệ đến sự xác định (*Sāḍ*).

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có năm yếu tố: Vị biết về sự việc, vị biết về duyên khởi, vị biết về điều quy định, vị biết về điều quy định thêm, vị biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về lời đề nghị, vị không biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị không thiện xảo về phần [cần trình bày] trước tiên, vị không thiện xảo về các phần kế tiếp và vị không biết về thời điểm.

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có năm yếu tố: Vị biết về lời đề nghị, vị biết cách thực hiện với lời đề nghị, vị thiện xảo về phần [cần trình bày] trước tiên, vị thiện xảo về các phần kế tiếp và vị biết về thời điểm.

Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị không khéo được kể thừa theo tuần tự từ các vị thầy, không khéo chú ý và không khéo suy xét.

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; vị khéo được kể thừa theo tuần tự từ các vị thầy, khéo chú ý và khéo suy xét.

Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị không biết tội nhẹ hay nặng; vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều học theo từng từ ngữ.

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; vị biết tội nhẹ hay nặng; vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; vị biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ.

Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có năm yếu tố khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa và vị không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có năm yếu tố: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa và vị khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

13. Năm hạng [hành pháp] sống ở rừng: Là vị sống ở rừng do bản tánh ngu khờ do bản tánh si mê; là vị sống ở rừng có ước muốn xấu xa bị thúc giục bởi

ước muốn; là vị sống ở rừng do điên khùng do mất trí; là vị sống ở rừng [nghĩ rằng]: “Được chư Phật và chư Thánh văn của đức Phật ngợi khen”; và cũng có vị sống ở rừng chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này.

Năm hạng [hành pháp] đi khát thực: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] mặc y *pamsukūla*: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ ở gốc cây: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ ở mộ địa: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ ở ngoài trời: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] chỉ sử dụng ba y: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] đi khát thực theo từng nhà: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] về oai nghi ngồi [không nằm]: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] ngụ chỗ ở theo chỉ định: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] một chỗ ngồi [khi thọ thực]: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] không ăn vật thực dâng sau: ...(nt)... Năm hạng [hành pháp] thọ thực trong bình bát: Là vị thọ thực trong bình bát do bản tánh ngu khờ, do bản tánh si mê; là vị thọ thực trong bình bát có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn; là vị thọ thực trong bình bát do điên khùng do mất trí; là vị thọ thực trong bình bát [nghĩ rằng]: “Được chư Phật và chư Thánh văn của đức Phật ngợi khen”; và cũng có vị thọ thực trong bình bát chính vì ham muốn ít, chính vì tự biết đủ, chính vì sự từ khước, chính vì sự tách ly, chính vì lợi ích của điều này.

14. Vị Tỳ-khuru có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về lễ *Uposatha*, vị không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị không biết về Giới bốn (*Pātimokkha*), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bốn (*Pātimokkha*), vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khuru có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ *Uposatha*, vị biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị biết về Giới bốn (*Pātimokkha*), vị biết về cách đọc tụng của Giới bốn (*Pātimokkha*), vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị Tỳ-khuru có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về Giới bốn (*Pātimokkha*), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bốn (*Pātimokkha*), vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khuru có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ *Pavāraṇā*, vị biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị biết về Giới bốn (*Pātimokkha*), vị biết về cách đọc tụng của Giới bốn (*Pātimokkha*), vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị Tỳ-khuru có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khuru có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

15. Vị Tỳ-khuru-ni có năm yếu tố không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về lễ *Uposatha*, vị không biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị không biết về Giới bốn (*Pātimokkha*), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bốn (*Pātimokkha*), vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khuru-ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ *Uposatha*, vị biết về hành sự của lễ *Uposatha*, vị biết về Giới bốn (*Pātimokkha*), vị biết về cách đọc tụng của Giới bốn (*Pātimokkha*), vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị Tỳ-khuru-ni có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị không biết về Giới bốn (*Pātimokkha*), vị không biết về cách đọc tụng của Giới bốn (*Pātimokkha*), vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khuru-ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về lễ *Pavāraṇā*, vị biết về hành sự của lễ *Pavāraṇā*, vị biết về Giới bốn (*Pātimokkha*), vị biết về cách đọc tụng của Giới bốn (*Pātimokkha*), vị năm năm hoặc hơn năm năm.

Vị Tỳ-khuru-ni có năm yếu tố khác nữa không nên sống không nương nhờ: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị không biết tội nhẹ hay nặng, vị không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị không biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị chưa đủ năm năm.

Vị Tỳ-khuru-ni có năm yếu tố được sống không nương nhờ: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội, vị biết tội nhẹ hay nặng, vị biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, vị biết tội xấu xa hay không xấu xa, vị năm năm hoặc hơn năm năm.

16. Năm điều bất lợi ở vị không được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp bất thiện]: Ngay cả bản thân cũng khiển trách lấy bản thân, các bậc trí quở trách sau khi đã xem xét, tiếng đồn xấu xa lan rộng, bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, địa ngục.

Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp thiện]: Chính bản thân không khiển trách bản thân, các bậc trí ngợi khen sau khi đã xem xét, tiếng đồn tốt đẹp lan rộng, không bị mê mờ khi từ trần, khi thân hoại chết đi được sanh về nơi tốt đẹp, cõi trời, trần thế.

Năm điều bất lợi khác nữa ở vị không được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp bất thiện]: Những người chưa có đức tin không an trú vào đức tin, làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã không được thực hành, người đời sau không thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy không được an trú.

Năm điều lợi ích ở vị được hoan hỷ [do đã tạo nghiệp thiện]: Những người chưa có đức tin an trú vào đức tin, làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, lời giáo huấn của bậc Đạo sư đã được thực hành, người đời sau thực hành xu hướng theo quan điểm đúng đắn, tâm của vị ấy được an trú.

17. Năm điều bất lợi cho vị thường tới lui các gia đình: Vị vi phạm trong việc đi không xin phép, vi phạm việc ngồi ở chỗ kín đáo, vi phạm việc ngồi ở chỗ được che khuất, vi phạm trong khi giảng pháp quá năm sáu câu cho người nữ và sống có nhiều tầm cầu về ái dục.

Năm điều bất lợi của vị Tỳ-khuru thường tới lui các gia đình: Vị trong khi sống quá nhiều thời gian thân cận các gia đình, có sự nhìn thấy người nữ thường xuyên, trong khi có sự nhìn thấy có sự xúc chạm, trong khi có sự xúc chạm có sự thân mật, trong khi có sự thân mật có sự ô nhiễm, điều này được dự đoán cho vị Tỳ-khuru có tâm bị khởi dục: Hoặc là sẽ hành Phạm hạnh không được hoan hỷ, hoặc là sẽ vi phạm tội có ô nhiễm nào đó, hoặc là sẽ từ bỏ sự học tập và sống đời tầm thường.

18. Năm loại mầm giống: Mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm. [a]¹¹⁶

Trái cây nên được thọ dụng với năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn: Đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hột và hột đã được lấy ra là cách thứ năm. [b]¹¹⁷

19. Năm cách làm cho trong sạch: Sau khi đọc tụng phần mở đầu, nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhất. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika* nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ nhì. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa* nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ ba. Sau khi đọc tụng phần mở đầu, sau khi đọc tụng bốn điều *Pārājika*, sau khi đọc tụng mười ba điều *Saṅghādisesa*, sau khi đọc tụng hai điều *Aniyata* nên thông báo phần còn lại bằng cách đã được nghe; đây là cách làm cho trong sạch thứ tư. [Đọc tụng] một cách đầy đủ là cách thứ năm. [c]¹¹⁸

Năm cách làm cho trong sạch khác nữa: Sự đọc tụng Giới bốn (*Pātimokkha*), lễ *Uposatha* với lời bày tỏ sự trong sạch, lễ *Uposatha* với sự chú nguyện, lễ *Pavāraṇā* luôn cả lễ *Uposatha* hợp nhất là thứ năm.

¹¹⁶ [a] Năm loại mầm giống: Đã được thấy ở điều học Pācittiya 11 của Tỳ-khuru, *Pācittiya-pāli Bhikkhuvibhaṅga* (Phân tích Giới Tỳ-khuru), TTPV, tập 2, tr. 109.

¹¹⁷ [b] Năm cách làm thành được phép đối với Sa-môn. Xem tr. 489 trong tập này; TTPV, tập 6, Cv. I, chương I, tr. 15.

¹¹⁸ [c] Năm cách làm cho trong sạch: Tương tự với năm cách đọc tụng Giới bốn (*Pātimokkha*). Xem tr. 135 trong tập này; TTPV, tập 4, Mv. I, chương II, tr. 271.

20. Năm điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật: Giới uân của bản thân khéo được gìn giữ khéo được hộ trì, là nơi nương tựa của các vị thường hay có sự ăn năn, là vị phát biểu ở giữa hội chúng với sự tự tin, là vị khuất phục những kẻ đối nghịch một cách khéo léo đúng theo pháp, là vị thực hành vì sự tồn tại của Chánh pháp.

Năm sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Năm sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Dứt “Nhóm năm.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Tội vi phạm, các nhóm tội, đã được rèn luyện, [nghiep] vô gián, các hạng người luôn cả việc cắt bớt, vị vi phạm và các nguyên do.

2. Vị không thuận và thuận, các việc được phép, không tin tưởng, dầu ăn, mỡ thú, sự suy sụp và thành tựu, các trường hợp đình chỉ [sự nương nhờ] với hạng người.

3. Mộ địa và đã bị [bò] nhai, sự trộm cắp, được gọi là kẻ cướp, đã không phân tán, không phân chia, do thân, do thân và khẩu.

4. Sự sám hối, ở nơi hội chúng, việc đọc tụng, vùng biên địa, *Kāṭhina*, các loại hành sự, cho đến lần thứ ba, các tội *Pārājika*, tội *Thullaccaya* và tội *Dukkaṭa*.

5. Không được phép và được phép, không phước báu, khó trừ diệt, chối quét, các điều khác, lời nói và luôn cả tội nữa.

6. Sự tranh tụng, sự việc, lời đề nghị, tội vi phạm, cả hai phần, các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết rõ tối và sáng.

7. Vị ở rừng, khát thực, mặc y *pamsukūla*, ở cội cây và mộ địa, ở ngoài trời, [chỉ ba] y, [khát thực] theo tuần tự, vị [thọ oai nghi] ngồi.

8. Chỗ ở theo chỉ định, với vị ngăn vật thực dâng sau luôn cả vị chỉ thọ trong bát, lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, phạm tội và không tội, những điều này là tối và sáng, các điều ấy của các Tỳ-khưu-ni là tương tự.

9. Hoan hỷ, không hoan hỷ, tương tự như thế là hai điều khác nữa, về vị thường tới lui các gia đình, mất quá nhiều thời gian, mầm giống và được phép cho Sa-môn.

10. Sự làm cho trong sạch luôn cả các điều khác, theo Luật, sai Pháp và đúng Pháp đã được đề cập đến tương tự, được chấm dứt là năm cách làm cho trong sạch.

NHÓM SÁU

1. Sáu sự không kính trọng. Sáu sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện. [a]¹¹⁹ Sáu sự thực hành đúng đắn. [b]¹²⁰ Sáu nguồn sanh tội. Sáu tội vi phạm liên quan đến cắt bớt. [c]¹²¹ Vị vi phạm tội do sáu biểu hiện. [d]¹²² Sáu điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật. [e]¹²³ Sáu điều tối đa. [f]¹²⁴ Có thể xa lìa [một trong] ba y sáu đêm. [g]¹²⁵ Sáu loại y. [h]¹²⁶ Sáu loại thuốc nhuộm [y]. [i]¹²⁷ Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân và do ý không do khẩu. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do khẩu và do ý không do thân. Sáu loại tội vi phạm sanh lên do thân do khẩu và do ý. Sáu loại hành sự. [j]¹²⁸ Sáu nguyên nhân tranh cãi. [k]¹²⁹ Sáu nguyên nhân khiển trách. [l]¹³⁰ Sáu pháp cần ghi nhớ. Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ. [m]¹³¹ Chiều rộng sáu gang tay. [n]¹³² Sáu

¹¹⁹ [a] Ba nhóm sáu này đã được trình bày chi tiết ở *Parivāra* (Tập yếu), tr. 1166 trong tập này; *TTPV*, tập 8, tr. 317.

¹²⁰ [b] Sáu sự thực hành đúng đắn: Ngài Buddhaghosa đề cập đến sáu điều học có câu “*ayam tattha sāmīci*” với ý nghĩa là “đây là điều đúng đắn trong trường hợp ấy”, tức là nói đến các điều học *Saṅghādisesa* 13; *Nissaggiya Pācittiya* 10, 22; *Pācittiya* 34, 71, 84 (*VinA*. VII. 1339).

¹²¹ [c] Gồm năm điều học *Pācittiya* của Tỳ-khưu đã được trình bày ở phần Nhóm năm liên quan đến việc cắt bớt vật làm quá kích thước là chân giường, tọa cụ, y đắp ghế, y tắm mưa, y có kích thước y của đức Thiện Thệ, thêm vào điều học *Pācittiya* của Tỳ-khưu-ni về việc may y choàng tắm quá kích thước là sáu (*Sđd.*).

¹²² [d] Sáu biểu hiện là vô liêm sỉ, không có trí tuệ, bản chất xấu xa, lầm tưởng là được phép trong điều không được phép, lầm tưởng là không được phép trong điều được phép, lầm lẫn về sự ghi nhớ (*Sđd.* 1339-40).

¹²³ [e] Sáu điều lợi ích cho vị rảnh rỗi về Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 1248 thêm vào điều thứ sáu là “Lễ *Uposatha* là phần trách nhiệm của vị ấy” (*Sđd.* 1340).

¹²⁴ [f] Sáu điều tối đa: Ngài Buddhaghosa nói về các điều học có từ “*paramam*” (tối đa) như là *dasāhaparamam*, *māsaparamam*, *santaruttaraparamam*, v.v... và nêu rõ trong hai bộ Giới bốn có tất cả là 14 giới. Sáu giới đầu lập thành một nhóm sáu, sáu giới kế tiếp là nhóm sáu thứ nhì, còn hai điều học thì sau khi bớt đi một điều học của mỗi một nhóm rồi thêm vào một điều học để lập thành hai nhóm sáu khác nữa (*Sđd.*).

¹²⁵ [g] Có thể xa lìa [một trong] ba y sáu đêm: Câu này được trích dẫn từ điều *Nissaggiya Pācittiya* 29 về vị Tỳ-khưu có thể đi y ở trong làng tối đa là sáu đêm khi ngụ ở trong khu rừng được xác định là có sự nguy hiểm, có sự kinh hoàng (ND).

¹²⁶ [h] Sáu loại y được đức Phật cho phép: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bố. Xem tr. 364 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VIII, tr. 181.

¹²⁷ [i] Sáu loại thuốc nhuộm được đức Phật cho phép: Thuốc nhuộm làm từ rễ cây, thuốc nhuộm từ thân cây, thuốc nhuộm từ vỏ cây, thuốc nhuộm từ lá cây, thuốc nhuộm từ bông hoa, thuốc nhuộm từ trái cây (*Sđd.* 189).

¹²⁸ [j] Sáu loại hành sự: Gồm có hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, thứ năm là hành sự án treo vì không nhìn nhận tội và hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi được gom thành một và thứ sáu là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác (*VinA.* VII. 1340).

¹²⁹ [k] Sáu nguyên nhân tranh cãi: Đã được trình bày chi tiết ở *Parivāra* (Tập yếu), tr. 1166 trong tập này; *TTPV*, tập 8, tr. 319.

¹³⁰ [l] Sáu nguyên nhân khiển trách: Đã được trình bày chi tiết ở *Parivāra* (Tập yếu), tr. 1167 trong tập này; *TTPV*, tập 8, tr. 321.

¹³¹ [m] Chiều dài sáu gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: Đã được trích dẫn từ điều học *Pācittiya* 91 về chiều dài y tắm mưa của các Tỳ-khưu (ND).

¹³² [n] Chiều rộng sáu gang tay: Đã được trích dẫn từ điều học *Pācittiya* 92 về chiều rộng của y đức Thiện Thệ (ND).

trường hợp đình chỉ việc nương nhờ ở thầy dạy học. [o]¹³³ Sáu điều quy định thêm trong việc tắm. [p]¹³⁴ Vị ra đi sau khi cầm lấy y chưa làm xong. [q]¹³⁵ Vị ra đi sau khi mang theo y chưa làm xong.

2. Vị Tỳ-khuru có sáu yếu tố nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị thành tựu vô học giới uẩn, là vị thành tựu vô học định uẩn, là vị thành tựu vô học tuệ uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát uẩn, là vị thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.¹³⁶

Vị Tỳ-khuru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị tự mình thành tựu vô học giới uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giới uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học định uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học định uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học tuệ uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học tuệ uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát uẩn, là vị tự mình thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn và giúp cho vị khác đạt được vô học giải thoát tri kiến uẩn, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị Tỳ-khuru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có đức tin, là vị có sự hổ thẹn [tội lỗi], là vị có sự ghê sợ [tội lỗi], là vị có sự tinh tấn đã được phát khởi, là vị có niệm đã được thiết lập, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị Tỳ-khuru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, không bị hư hỏng về quan điểm ở quan điểm cực đoan, là vị nghe nhiều, là vị có trí tuệ, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị Tỳ-khuru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng chăm sóc hoặc kiểm người chăm sóc cho đệ tử hoặc học trò bị bệnh, [có khả năng] khuyên giải hoặc nhờ người khuyên giải [khi đệ tử hay học trò] có sự không hoan hỷ, [có khả năng] giải tỏa hoặc nhờ vị khác giải tỏa đúng theo pháp [khi đệ tử hay học trò] có mối nghi ngờ sanh khởi, là vị biết về sự phạm tội, là vị biết cách thoát khỏi tội, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

¹³³ [o] Sáu trường hợp đình chỉ nương nhờ ở thầy dạy học. Xem tr. 80 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương I, tr. 157.

¹³⁴ [p] Sáu điều quy định thêm trong việc tắm được ghi lại ở điều học *Pācittiya* 57 của Tỳ-khuru: “Một tháng rưỡi còn lại của mùa nóng’ và tháng đầu tiên của mùa mưa, như vậy là hai tháng rưỡi là lúc trời nóng nực, là lúc trời oi bức, trường hợp bị bệnh, trường hợp có công việc, trường hợp đi đường xa, trường hợp mưa gió” (*VinA.* VII. 1340).

¹³⁵ [q] Sáu trường hợp cầm lấy và sáu trường hợp mang theo. Hai nhóm sáu này được đề cập chi tiết ở tr. 329-30 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VII, tr. 119-21.

¹³⁶ Các nhóm sáu thuộc mục 2 này được đề cập ở tr. 84-7 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương I, tr. 165-71.

Vị Tỳ-khuru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị có khả năng để huấn luyện các điều học thuộc về phần sự căn bản, [có khả năng] để hướng dẫn các điều học thuộc về phần đầu của Phạm hạnh, [có khả năng] để hướng dẫn về Thắng pháp, để hướng dẫn về Thắng luật, [có khả năng] để phân tách đúng theo pháp xu hướng tà kiến đã được sanh khởi cho đệ tử hay học trò, là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

Vị Tỳ-khuru có sáu yếu tố khác nữa nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để Sa-di phục vụ: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này, hai bộ Giới bốn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo xác định theo từng điều hoặc từng từ ngữ; là vị mười năm hoặc hơn mười năm.

3. Sáu sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) sai Pháp.

Sáu sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.¹³⁷

Dứt “Nhóm sáu.”

--ooOoo--

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Không kính trọng và kính trọng, đã được rèn luyện, sự đúng đắn, các nguồn sanh khởi luôn cả các sự cắt bớt, các biểu hiện với sự lợi ích.

2. Sáu trường hợp tối đa, sáu đêm, y, các thuốc nhuộm, do thân và do cả ý, do khẩu và do cả ý.

3. Do thân, khẩu và ý, hành sự luôn cả sự tranh cãi, sự khiển trách, chiều dài, chiều rộng với việc nương nhờ.

4. Sự chế định thêm, sau khi cầm lấy, sau khi mang đi là tương tự y như thế, về các pháp của bậc Vô học, vị giúp cho đạt được, đức tin, tăng thượng giới, các vị bị bệnh, vị đã hành phạm sự căn bản, các tội vi phạm, liên quan đến sai Pháp và đúng Pháp.

--ooOoo--

NHÓM BẢY

1. Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Bảy sự thực hành đúng đắn. [a]¹³⁸ Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng

¹³⁷ Hai nhóm sáu này được đề cập ở tr. 218-29 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương IX, tr. 439-41.

¹³⁸ [a] Bảy sự thực hành đúng đắn: Gồm nhóm sáu đã được trình bày ở trên và thêm vào câu “*ayam tattha sāmīci*” thứ bảy được thấy ở phần tổng kết giới *Saṅghādisesa* của Tỳ-khuru-ni (*VinA*. VII. 1340).

Pháp. Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận đúng Pháp. [b]¹³⁹ Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người. [c]¹⁴⁰ Bảy điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật. [d]¹⁴¹ Bảy điều tối đa. Khi rạng đông vào ngày thứ bảy bị phạm vào *Nissaggiya*. [e]¹⁴² Bảy cách dàn xếp. Bảy hành sự. [f]¹⁴³ Bảy loại hạt chưa xay. [g]¹⁴⁴ Chiều rộng là bảy [gang] ở bên trong. [h]¹⁴⁵ Bảy điều quy định thêm về bữa ăn dâng theo nhóm. [i]¹⁴⁶ Sau khi thọ lãnh các loại được phẩm nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày. [j]¹⁴⁷ Vị ra đi cầm lấy y đã làm xong. Vị ra đi mang theo y đã làm xong. [k]¹⁴⁸ Tội của vị Tỳ-khuru không cần phải được nhìn nhận. [l]¹⁴⁹ Tội của vị Tỳ-khuru cần phải được nhìn nhận. Tội của vị Tỳ-khuru cần phải được sửa chữa. Bảy sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Bảy sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

2. Vị Tỳ-khuru nắm vững về Luật có bảy yếu tố: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; có giới sống thu thúc trong sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

3. Vị Tỳ-khuru nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; nghe

¹³⁹ [b] Bảy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không đúng Pháp và đúng Pháp. Xem tr. 177-79 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương IV, tr. 359-61.

¹⁴⁰ [c] Không phạm tội để đi với việc cần phải làm trong bảy ngày liên quan đến bảy hạng người là Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni, cô Ni tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni, mẹ và cha. Xem tr. 182 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương III, tr. 369.

¹⁴¹ [d] Bảy điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở trang 1248 thêm vào hai chi tiết: “*Lễ Uposatha* và *lễ Pavāraṇā* là phần trách nhiệm của vị ấy” (*VinA.* VII. 1341).

¹⁴² [e] Xem điều học *Nissaggiya Pācittiya* 29 (ND).

¹⁴³ [f] Bảy loại hành sự: Là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, hành sự án treo vì không nhìn nhận tội, hành sự án treo trong việc không sửa chữa lỗi và thứ bảy là hành sự án treo vì không chịu từ bỏ tà kiến ác (ND).

¹⁴⁴ [g] Bảy loại hạt chưa xay: Là lúa gạo *sālī*, lúa gạo, lúa mạch, lúa mì, kê, đậu, hạt *kudrūsaka* (bắp?) được đề cập ở điều *Pācittiya* 7 của Tỳ-khuru-ni (ND).

¹⁴⁵ [h] Chiều rộng là bảy [gang] ở bên trong: Được trích dẫn từ điều học *Saṅghādisesa* 6 về việc xây dựng cốc liêu của Tỳ-khuru (ND).

¹⁴⁶ [i] Bảy điều quy định thêm về bữa ăn dâng theo nhóm. Xem điều học *Pācittiya* 32 của Tỳ-khuru (ND).

¹⁴⁷ [j] Sau khi thọ lãnh các loại được phẩm nên được thọ dụng với sự cất giữ tối đa là bảy ngày. Xem điều *Nissaggiya Pācittiya* 23 của Tỳ-khuru.

¹⁴⁸ [k] Bảy trường hợp cầm lấy và bảy trường hợp mang theo: Hai nhóm bảy này được đề cập chi tiết ở tr. 328-29 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VII, tr. 115-19.

¹⁴⁹ [l] Tội của vị Tỳ-khuru không cần phải được nhìn nhận: Nhóm bảy này và hai nhóm bảy kế được đề cập chi tiết ở tr. 415-17 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương IX, tr. 267-71.

nhiều, ghi nhớ điều đã nghe, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào có sự tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, tuyên thuyết về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức tương tự như thế được nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, quán xét bằng ý, thâm nhập bằng kiến thức; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

4. Vị Tỳ-khuru nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này, hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

5. Vị Tỳ-khuru nắm vững về Luật có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: “Vào kiếp sống ấy, ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, kinh nghiệm khổ và lạc như vậy, có tuổi thọ như vậy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, kinh nghiệm khổ và lạc như vậy, có tuổi thọ như vậy. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này”, như thế vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương.

Với thiên nhãn thuần tịnh vượt trội loài người, vị [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ, vị [ấy] biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: “Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động xấu xa bằng thân, có hành động xấu xa bằng lời nói, có suy nghĩ xấu xa bằng ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ bị sanh vào bất hạnh, cõi khổ, đọa xứ, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động

tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến, khi tan rã thân xác và chết đi, họ được sanh vào chốn an vui, cõi trời, trần thế.” Như thế, với thiên nhân thuần tịnh vượt trội loài người, vị [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến chốn an vui, [hay] đọa vào cõi khổ, vị [ấy] biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng.

Và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

6. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; có giới...(nt)... thọ trì và thực hành trong các điều học; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

7. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; nghe nhiều, ...(nt)... , được khéo phân tích bằng sự hiểu biết; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại, có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

8. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; đối với vị này, hai bộ Giới bốn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; là vị đạt được theo ước muốn, đạt được không khó khăn, đạt được không khổ nhọc các sự trú vào lạc trong hiện tại có liên hệ đến các thắng tâm của bốn thiên; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

9. Vị nắm vững về Luật được sáng chói có bảy yếu tố khác nữa: Là vị biết về sự phạm tội; biết về sự không phạm tội; biết về tội nhẹ; biết về tội nặng; vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ...(nt)... như thế, vị [ấy] nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét cá biệt và đại cương. Với thiên nhân thuần tịnh vượt trội loài người, vị [ấy] nhìn thấy chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, đến

chỗ an vui, [hay] đọa vào cõi khổ, vị [ấy] biết được rằng chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng...(nt)...; và do sự diệt tận các lậu hoặc, vị [ấy] nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại, chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú.

10. Bảy pháp không tốt đẹp: Là không có đức tin, không hổ thẹn [tội lỗi], không ghê sợ [tội lỗi], ít nghe, biếng nhác, có niệm bị quên lãng, có tuệ kém.

11. Bảy pháp tốt đẹp: Là có đức tin, có sự hổ thẹn [tội lỗi], có sự ghê sợ [tội lỗi], nghe nhiều, có sự tinh tấn đã được phát khởi, có niệm đã được thiết lập, có trí tuệ.

DỨT “Nhóm bảy.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Loại tội, các nhóm tội, đã được rèn luyện, sự đúng đắn, sai Pháp và đúng Pháp, sự không phạm tội và bảy ngày.

2. Lợi ích và các trường hợp tối đa, lúc rạng đông với cách dàn xếp, các hành sự và các loại hạt chưa xay, chiều rộng, về việc ăn theo nhóm.

3. Tối đa là bảy ngày, sau khi cầm lấy và sau khi mang theo là tương tự y như thế, không nên và nên, các trường hợp sai Pháp và đúng Pháp.

4. Bốn hạng nắm vững về Luật, bốn hạng Tỳ-khuru sáng chói luôn cả bảy pháp không tốt đẹp và bảy pháp tốt đẹp đã được giảng giải.

--ooOoo--

NHÓM TÁM

Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị Tỳ-khuru ấy trong việc không nhìn nhận tội. [a]¹⁵⁰ Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vị khác. [b]¹⁵¹ Tám tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba. [c]¹⁵² Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện. [d]¹⁵³ Tám tiêu đề về việc phát sanh y. [e]¹⁵⁴ Tám tiêu đề về việc hết hiệu

¹⁵⁰ [a] Vị nhận thức được tám điều lợi ích không nên phạt án treo vị Tỳ-khuru ấy trong việc không nhìn nhận tội: Được đề cập ở tr. 449-50 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương X, tr. 329-31.

¹⁵¹ [b] Vị nhận thức được tám điều lợi ích nên sám hối tội ấy vì niềm tin của các vị khác. Xem *Sdd.* tr. 331-33.

¹⁵² [c] Tám tội vi phạm khi được nhắc nhở cho đến lần thứ ba: Là các tội *Saṅghādisesa* 10, 11, 12, 13 của Tỳ-khuru và 7, 8, 9, 10 của Tỳ-khuru-ni (*VinA.* VII. 1341).

¹⁵³ [d] Vị làm hư hỏng các gia đình với tám biểu hiện: Là với bông hoa, hoặc với trái cây, hoặc với bột tằm, hoặc với đất sét, hoặc với gỗ chà răng, hoặc với tre, hoặc bằng cách thức chữa bệnh, hoặc bằng cách đi bộ đưa tin (*Sdd.*). Xem điều học *Saṅghādisesa* 13 của Tỳ-khuru.

¹⁵⁴ [e] Tám tiêu đề về việc phát sanh y: [Thí chủ] dâng trong ranh giới, dâng theo sự thỏa thuận, dâng theo sự thông báo về vật thực, dâng đến hội chúng, dâng đến cả hai hội chúng (Tỳ-khuru và Tỳ-khuru-ni), dâng đến hội chúng đã sống qua mùa [an cư] mưa, dâng sau khi đã thông báo, dâng đến cá nhân. Xem tr. 395 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VIII, tr. 233.

lực của *Kaṭhina*. [f]¹⁵⁵ Tám loại thức uống. [g]¹⁵⁶ Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. [h]¹⁵⁷ Tám pháp của thế gian. Tám trọng pháp. [i]¹⁵⁸ Tám tội *Pāṭidesanīya*. Lời nói dối có tám chi phần. [j]¹⁵⁹ Tám chi phần của ngày *Uposatha* (Bát quan trai giới). Tám chi phần của người sứ giả. [k]¹⁶⁰ Tám cách thực hành của ngoại đạo. Tám pháp kỳ diệu phi thường trong biên cả. [l]¹⁶¹ Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này. [m]¹⁶² Tám vật không phải là đồ thừa. Tám vật là đồ thừa. [n]¹⁶³ Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào *Nissaggiya*. [o]¹⁶⁴ Tám tội *Pārājika*. Vị Ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám nên bị trục xuất. [p]¹⁶⁵ [Tội] đã được trình ra và chưa được trình ra bởi vị Ni làm đầy đủ sự việc thứ tám. Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo. [q]¹⁶⁶ Nên đứng dậy đối với tám [vị Ni thâm niên]. Chỗ ngồi nên dành cho tám [vị Ni thâm niên]. [r]¹⁶⁷ Vị nữ cư sĩ thỉnh cầu tám điều ước muốn. [s]¹⁶⁸ Vị Tỳ-khuru có tám yếu tố nên được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-

¹⁵⁵ [f] Tám tiêu đề về việc hết hiệu lực của *Kaṭhina*: Do sự ra đi, do y được hoàn tất, do tự mình dứt khoát, do bị mất, do nghe được tin, do sự tan vỡ của niềm mong mỏi, do sự vượt qua ranh giới, do sự hết hiệu lực cùng một lúc (*Sdd.*, chương VII, tr. 115).

¹⁵⁶ [g] Tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu (*Sdd.*, chương VI, tr. 97).

¹⁵⁷ [h] Devadatta bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp: Là lợi lộc, không lợi lộc, danh vọng, không danh vọng, sự trọng vọng, sự không trọng vọng, ước muốn xấu xa, bạn bè xấu xa. Xem tr. 833 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương VII, tr. 315.

¹⁵⁸ [i] Tám trọng pháp của Tỳ-khuru-ni. Xem chi tiết ở *Sdd.*, chương X, tr. 473-75.

¹⁵⁹ [j] Lời nói dối có tám chi phần. Xem chi tiết ở điều học *Pācittiya* thứ nhất của Tỳ-khuru.

¹⁶⁰ [k] Tám chi phần của người sứ giả: Là người lắng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người gây nên các sự tranh cãi (*Sdd.*, chương VII, tr. 313).

¹⁶¹ [l] Tám pháp kỳ diệu phi thường về biên cả. Xem chi tiết ở *Sdd.*, chương IX, tr. 427-31.

¹⁶² [m] Tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này. Xem chi tiết ở *Sdd.*, chương IX, tr. 431-35.

¹⁶³ [n] Tám vật không phải là đồ thừa và tám vật là đồ thừa: Được đề cập ở điều học *Pācittiya* 35 của Tỳ-khuru, phân định nghĩa từ.

¹⁶⁴ [o] Khi rạng đông vào ngày thứ tám thì phạm vào *Nissaggiya*: Liên quan đến điều học *Nissaggiya Pācittiya* 23 về năm loại được phẩm.

¹⁶⁵ [p] Điều học *Pārājika* thứ tám của Tỳ-khuru-ni đề cập đến tám hành động của vị Tỳ-khuru-ni nhiễm dục vọng đối với người nam là sự nắm lấy cánh tay [của người nam], sự nắm lại lấy chéo áo choàng, đứng chung, trò chuyện, đi đến nơi hẹn hò, thích thú sự viếng thăm của người nam, đi vào nơi che khuất, kẻ sát cơ thể nhằm mục đích xúc chạm cơ thể. Vị Tỳ-khuru-ni làm đủ tám hành động này phạm *Pārājika* nên bị trục xuất.

¹⁶⁶ [q] Sự tu lên bậc trên có tám lời thông báo: Đề cập đến sự tu lên bậc trên của Tỳ-khuru-ni ở cả hai hội chúng Tỳ-khuru-ni và Tỳ-khuru.

¹⁶⁷ [r] Chỗ ngồi nên dành cho tám [vị Ni thâm niên]: Được đề cập ở *Sdd.*, chương X, tr. 521.

¹⁶⁸ [s] Vị nữ cư sĩ thỉnh cầu tám điều ước muốn: Vị này là nữ cư sĩ Visākhā (*VinA.* VII. 1342). Bà đã thỉnh cầu đức Phật để dâng vải choàng [tắm] mưa đến hội chúng, dâng thức ăn dành cho vị đi đến, dâng thức ăn dành cho vị ra đi, dâng thức ăn dành cho vị bị bệnh, dâng thức ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dâng dược phẩm dành cho vị bị bệnh, dâng cháo hàng ngày, dâng vải choàng tắm đến hội chúng Tỳ-khuru-ni đến trọn đời. Xem tr. 375-77 trong tập này; *TTPV*, tập 5, Mv. II, chương VIII, tr. 199-201.

khuru-ni. [t]¹⁶⁹ Tám điều lợi ích cho vị nắm vững về Luật. [u]¹⁷⁰ Tám điều tối đa. Vị Tỳ-khuru đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp. [v]¹⁷¹ Tám sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Tám sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

Dứt “Nhóm tám.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Không phải vị Tỳ-khuru ấy, luôn cả đối với các vị khác, cho đến lần thứ ba, các sự làm hư hỏng, các tiêu đề [về y], các sự thu hồi *Kaṭhina*, các thức uống và vị bị ngự trị.

2. [Tám] pháp thế gian, [tám] trọng pháp, [tám] tội *Pāṭidesanīya*, [tám] sự nói dối, các ngày trai giới và [tám] điều của sứ giả, [tám] cách thực hành của ngoại đạo và [của] biên cả.

3. [Tám điều] phi thường, [tám vật] không phải là đồ thừa, đồ thừa, tội *Nissaggiya*, tội *Pārājika*, [làm] sự việc thứ tám, đã không được trình ra, sự tu lên bậc trên.

4. Sự đứng dậy, luôn cả chỗ ngồi, điều ước muốn, vị giáo giới, các điều lợi ích, [tám] điều tối đa, sự thực hành trong tám pháp, sai Pháp, đúng Pháp và các nhóm tám pháp đã được khéo trình bày.

--ooOoo--

NHÓM CHÍN

Chín sự việc gây nóng giận. [a]¹⁷² Chín cách đối trị sự nóng giận. Chín sự việc đã được rèn luyện. [b]¹⁷³ Chín trường hợp bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm. [c]¹⁷⁴ Hội chúng bị chia rẽ với chín [vị Tỳ-khuru]. [d]¹⁷⁵ Chín vật thực

¹⁶⁹ [t] Tám yếu tố của vị Tỳ-khuru nên được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khuru-ni: Được đề cập chi tiết ở điều học *Pācittiya* 21 của Tỳ-khuru.

¹⁷⁰ [u] Tám điều lợi ích cho vị rành rẽ về Luật: Gồm năm điều đã được giải thích trước đây ở tr. 63, thêm vào ba chi tiết là “lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā* và hành sự của hội chúng, là phần trách nhiệm của vị ấy” (*VinA.* VII. 1342).

¹⁷¹ [v] Vị Tỳ-khuru đã được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên thực hành nghiêm chỉnh trong tám pháp: Không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, [hoặc] không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā* của vị Tỳ-khuru trong sạch, không nên sai bảo, không nên cáo tội, không nên bảo tránh lỗi đi, không nên quở trách, không nên nhắc nhở [vị Tỳ-khuru trong sạch], không nên tạo bè phái với các Tỳ-khuru (*Sđđ.*).

¹⁷² [a] Chín sự việc gây nóng giận và chín cách đối trị sự nóng giận được đề cập đến ở D. 33, *Saṅgītisuttam* (*Kinh Phúng tụng*) và A. IV. 351, chương IX, Chín pháp.

¹⁷³ [b] Chín sự việc đã được rèn luyện: Sự hạn chế, kiềm chế, tự chế, chặt đứt sự tiếp nối với chín sự việc gây nóng giận (*VinA.* VII. 1342).

¹⁷⁴ [c] Chín trường hợp bị phạm tội ngay lúc vừa mới vi phạm: Là chín tội *Saṅghādisesa* từ 1 đến 9 của Tỳ-khuru.

¹⁷⁵ [d] Hội chúng bị chia rẽ với chín [vị Tỳ-khuru]: Là câu trả lời của đức Phật cho Đại đức Upālī về việc chia rẽ hội chúng. Xem tr. 836 trong tập này; *TTPV*, tập 7, Cv. II, chương VII, tr. 321.

hảo hạng. [e]¹⁷⁶ Tội *Dukkata* với chín loại thịt. Chín cách đọc tụng Giới bốn. [f]¹⁷⁷ Chín điều tối đa. Chín pháp là gốc của tham ái. [g]¹⁷⁸ Chín cách ngã mạn. [h]¹⁷⁹ Chín loại y được chú nguyện để dùng riêng. [i]¹⁸⁰ Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung. [j]¹⁸¹ Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ. [k]¹⁸² Chín sự bố thí sai Pháp. [l]¹⁸³ Chín sự thọ lãnh sai Pháp. Chín sự thọ dụng sai Pháp. Ba sự bố thí đúng Pháp, ba sự thọ lãnh đúng Pháp, ba sự thọ dụng đúng Pháp. Chín nhận thức sai Pháp. Chín nhận thức đúng Pháp. [m]¹⁸⁴ Hai nhóm chín về hành sự sai Pháp. Hai nhóm chín về hành sự đúng Pháp. [n]¹⁸⁵ Chín sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Chín sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

DỨT “Nhóm chín.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. [Chín] sự việc gây nóng giận, cách đối trị, đã được rèn luyện và lúc vừa mới vi phạm, bị chia rẽ, [vật thực] hảo hạng, thịt, cách đọc tụng và [chín] điều tối đa.

¹⁷⁶ [e] Chín vật thực hảo hạng: Đã được đề cập đến ở điều học *Pācittiya* 39 của Tỳ-khuru là bơ lỏng, bơ đặc, dầu ăn, mật ong, đường mía, cá, thịt, sữa tươi và sữa đông.

¹⁷⁷ [f] Chín cách đọc tụng Giới bốn: Tức là năm cách áp dụng cho Tỳ-khuru và bốn cách áp dụng cho Tỳ-khuru-ni (ND).

¹⁷⁸ [g] Chín pháp là gốc của tham ái: Ngài Buddhaghosa giải thích như sau: “Tầm cầu do duyên tham ái, đạt được do duyên tìm cầu, quyết định do duyên đạt được, tham dục do duyên quyết định, vướng mắc do duyên tham dục, nắm giữ do duyên vướng mắc, bỏn xèn do duyên nắm giữ, bảo vệ do duyên bỏn xèn, do duyên bảo vệ có các sự tranh chấp bằng cách cầm gậy, cầm kiếm, cãi cộ, tranh luận, tranh cãi, nói ác độc, nói dối (*VinA.* VII. 1342-43). Xem *D.* 15, *Mahānidānasuttaṃ* (*Kinh Đại duyên*).

¹⁷⁹ [h] Chín cách ngã mạn: Là so sánh hơn, bằng và thua theo chín cách.

¹⁸⁰ [i] Chín loại y được chú nguyện để dùng riêng: Là ba y và sáu loại y khác nữa là vải choàng tắm mưa, vật lót ngồi, tấm trải nằm, y đắp ghè, khăn lau mặt, miếng vải phụ tùng. Xem tr. 382 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VIII, tr. 209.

¹⁸¹ [j] Chín loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng vào thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dùng chung (*VinA.* VII. 1343).

¹⁸² [k] Chiều dài chín gang tay theo gang tay của đức Thiện Thệ: Câu này được trích dẫn từ điều học *Pācittiya* 92 về chiều dài y của đức Thiện Thệ (ND).

¹⁸³ [l] Chín sự bố thí sai Pháp: Ngài Buddhaghosa giải thích là “vật đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, lại thuyết phục dâng cho hội chúng khác hoặc bảo tháp, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng đến bảo tháp, lại thuyết phục dâng đến bảo tháp khác, hoặc hội chúng, hoặc cá nhân; vật đã được khẳng định là dâng cho cá nhân, lại thuyết phục dâng cho cá nhân khác, hoặc hội chúng, hoặc bảo tháp” (*Sdd.*). Vấn đề này được đề cập ở điều học *Pācittiya* 82 của Tỳ-khuru. Chín sự thọ lãnh sai Pháp và chín sự thọ dụng sai Pháp là có liên quan đến chín sự bố thí sai pháp này.

- Ba sự bố thí đúng Pháp: Là dâng đến hội chúng vật được dành cho hội chúng, dâng đến bảo tháp vật được dành cho bảo tháp, dâng đến cá nhân vật được dành cho cá nhân. Về sự thọ lãnh và thọ dụng đúng Pháp là sự thọ lãnh và sự thọ dụng của các vật này (*Sdd.*).

¹⁸⁴ [m] Chín nhận thức sai Pháp và chín nhận thức đúng Pháp: Được đề cập ở tr. 653-56 trong tập này; *TTPV*, tập 6, *Cv.* I, chương IV, tr. 333-37.

¹⁸⁵ [n] Hai nhóm chín về hành sự sai Pháp và hai nhóm chín về hành sự đúng Pháp: Được đề cập ở điều *Pācittiya* 21 của Tỳ-khuru (*VinA.* VII. 1343).

2. [Chín gốc của] tham ái, ngã mạn, [chín] sự chú nguyện, chú nguyện để dùng chung, [chín] gang tay, sự bố thí, sự thọ lãnh, sự thọ dụng, ba cách, rồi các cách đúng Pháp.

3. Sai Pháp và đúng Pháp, sự nhận thức có hai nhóm, có hai nhóm chín và [chín] sự đình chỉ Giới bốn sai Pháp.

--ooOoo--

NHÓM MƯỜI

1. Mười sự việc gây nóng giận. Mười cách đối trị sự nóng giận. Mười sự việc đã được rèn luyện. Mười tà kiến căn bản. [o]¹⁸⁶ Mười chánh kiến căn bản. [p]¹⁸⁷ Mười hữu biên kiến. [q]¹⁸⁸ Mười sự sai trái. [r]¹⁸⁹ Mười sự chân chánh. Mười đường lối của nghiệp bất thiện. [s]¹⁹⁰ Mười đường lối của nghiệp thiện. Mười cách phân phát thể sai Pháp. Mười cách phân phát thể đúng Pháp. [t]¹⁹¹ Mười điều học của các Sa-di. [u]¹⁹² Vị Sa-di có mười yếu tố nên bị trục xuất. [v]¹⁹³

2. Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có mười điều: Vị không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi không đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác rồi cho thực hiện [hành sự] sai Pháp, với sự không khẳng định, không biết về tội, không biết về nền tảng của tội, không biết về nhân sanh tội, không biết về sự đoạn diệt của tội, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có mười điều: Vị đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, đưa ra sự giới hạn cho lời nói của người khác, sau khi đưa ra sự giới hạn cho lời nói của mình, sau khi đưa ra sự giới hạn cho

¹⁸⁶ [o] Mười tà kiến căn bản: Là không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại (*D. 2, Sāmaññaphalasuttaṃ* (Kinh Sa-môn quả) lời dịch của HT. Thích Minh Châu).

¹⁸⁷ [p] Mười chánh kiến căn bản: Được hiểu đối nghịch lại (*VinA. VII. 1343*).

¹⁸⁸ [q] Mười hữu biên kiến: [Có phải] thế giới là vĩnh viễn? [Có phải] thế giới là không vĩnh viễn? [Có phải] thế giới là hữu biên? [Có phải] thế giới là vô biên? [Có phải] mạng sống và thân thể là chung? [Có phải] mạng sống và thân thể là khác biệt? Như Lai còn tồn tại sau khi chết? Như Lai không còn tồn tại sau khi chết? Như Lai còn và không còn tồn tại sau chết? Như Lai không phải còn tồn tại và cũng không phải không tồn tại sau khi chết? (*Anguttaranikāya* (Kinh Tăng chi), pháp 10 chi, phẩm Upāli).

¹⁸⁹ [r] Mười sự sai trái: Là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ,... tà trí, tà giải thoát. Mười sự chân chánh có ý nghĩa đối nghịch lại (*VinA. VII. 1343*).

¹⁹⁰ [s] Mười đường lối của nghiệp bất thiện: Thân có ba nghiệp: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, khẩu có bốn, ý có ba. Mười đường lối của nghiệp thiện có ý nghĩa đối nghịch lại.

¹⁹¹ [t] Mười cách phân phát thể sai Pháp và mười cách phân phát thể đúng Pháp được đề cập ở tr. 669 trong tập này; *TTPV*, tập 6, Cv. I, chương IV, tr. 363.

¹⁹² [u] Mười điều học của các Sa-di: Được đề cập ở tr. 103 trong tập này; *TTPV*, tập 4, Mv. I, chương I, tr. 209.

¹⁹³ [v] Vị Sa-di có mười yếu tố nên bị trục xuất: Được đề cập ở *Sdd.*, tr. 213.

lời nói của người khác rồi cho thực hiện [hành sự] đúng Pháp, với sự khẳng định, biết về tội, biết về nền tảng của tội, biết về nhân sanh tội, biết về sự đoạn diệt của tội, biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tội.

3. Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về sự tranh tụng, không biết về nền tảng của tranh tụng, không biết về nhân sanh của tranh tụng, không biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, không biết về sự việc, không biết về duyên khởi, không biết về điều quy định, không biết về điều quy định thêm, không biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có mười điều: Vị biết về sự tranh tụng, biết về nền tảng của tranh tụng, biết về nhân sanh của tranh tụng, biết về sự đoạn diệt của tranh tụng, biết về sự thực hành đưa đến sự đoạn diệt của tranh tụng, biết về sự việc, biết về duyên khởi, biết về điều quy định, biết về điều quy định thêm, biết về phương thức của lối trình bày mạch lạc.

4. Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về lời đề nghị, không biết cách thực hiện với lời đề nghị, không thiện xảo về phần [cần trình bày] đầu tiên, không thiện xảo về các phần kế tiếp, không biết về thời điểm, không biết về sự phạm tội hay không phạm tội, không biết tội nhẹ hay nặng, không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, không biết tội xấu xa hay không xấu xa, không khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và không khéo chăm chú không khéo suy xét.

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có mười điều: Vị biết về lời đề nghị, biết cách thực hiện với lời đề nghị, thiện xảo về phần [cần trình bày] đầu tiên, thiện xảo về các phần kế tiếp, biết về thời điểm, biết về sự phạm tội hay không phạm tội, biết tội nhẹ hay nặng, biết tội còn dư sót hay không còn dư sót, biết tội xấu xa hay không xấu xa, khéo được kế thừa theo tuần tự từ các vị thầy và khéo chăm chú khéo suy xét.

5. Vị nắm vững về Luật bị xem là “ngu dốt” khi có mười điều khác nữa: Vị không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này, hai bộ Giới bốn (*Pātimokkha*) không khéo được truyền thừa với chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được ứng dụng, không khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; không biết về sự phạm tội hay không phạm tội; không biết tội nhẹ hay nặng; không biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; không biết tội xấu xa hay không xấu xa; không khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

Vị nắm vững về Luật được xem là “thông thái” khi có mười điều: Vị biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; đối với vị này, hai bộ Giới bốn (*Pātimokkha*) khéo được truyền thừa với chi tiết, khéo được phân tích,

khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều theo từng từ ngữ; biết về sự phạm tội hay không phạm tội; biết tội nhẹ hay nặng; biết tội còn dư sót hay không còn dư sót; biết tội xấu xa hay không xấu xa; khéo léo về sự phán quyết trong tranh tụng.

6. Vị Tỳ-khuru có mười yếu tố nên được chỉ định làm vị đại biểu. Đức Như Lai quy định điều học cho các Thánh văn vì mười điều lợi ích. [a]¹⁹⁴ Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. [b]¹⁹⁵ Mười vật bỏ thí. [c]¹⁹⁶ Mười loại báu vật. [d]¹⁹⁷ Hội chúng Tỳ-khuru nhóm mười vị. Nên cho tu lên bậc trên với tập thể là nhóm mười vị. Mười loại vải *pamsukūla*. [e]¹⁹⁸ Mười loại y và cách sử dụng. [f]¹⁹⁹ Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày. [g]²⁰⁰ Mười loại tinh dịch. [h]²⁰¹ Mười hạng người nữ. Mười hạng vợ. [i]²⁰² Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī. [j]²⁰³

Mười hạng người không nên đánh lễ. [k]²⁰⁴ Mười biểu hiện của sự mắng nhiếc. [l]²⁰⁵ Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện. [m]²⁰⁶ Mười loại sàng tọa. [n]²⁰⁷ Họ đã yêu cầu mười điều ước muốn. [o]²⁰⁸ Mười sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) sai Pháp. Mười sự đình chỉ Giới bốn (*Pātimokkha*) đúng Pháp.

¹⁹⁴ [a] Mười điều lợi ích về việc quy định điều học. Xem ở điều học *Pārājika* thứ nhất, *Pārājikapāḷi* (*Phân tích Giới Tỳ-khuru*), *TTTĐPGVN*, tập 10, tr. 34; *TTPV*, tập 1, tr. 49.

¹⁹⁵ [b] Mười điều nguy hiểm trong việc đi vào hậu cung của đức vua. Xem ở điều học *Pācittiya* 83 của Tỳ-khuru.

¹⁹⁶ [c] Mười vật bỏ thí: Cơm, nước, vải, xe cộ, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ trú ngụ, đèn (*VinA.* VII. 1344).

¹⁹⁷ [d] Mười loại báu vật: Là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, vỏ sò, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo. Xem tr. 883 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương IX, tr. 431.

¹⁹⁸ [e] Mười loại vải *pamsukūla*: Loại ở bãi tha ma, bỏ ở ngoài cửa tiệm, bị chuột gặm, bị mối nhấm, bị lửa cháy, loại bị bò nhai, bị dê nhai, y nơi bảo tháp, loại thuộc về lễ đăng quang [của đức vua], vải dành cho tối tử (*VinA.* VII. 1344). Mười loại vải *pamsukūla* này đã được trình bày cũng trong tập này ở tr. 51.

¹⁹⁹ [f] Mười loại y: Gồm có chín loại y đã được kể ở phần nhóm chín thêm vào vải choàng tắm hay áo lót của Tỳ-khuru-ni là mười (*VinA.* VII. 1344).

²⁰⁰ [g] Y phụ trội được cất giữ tối đa mười ngày. Xem điều học *Nissaggiya Pācittiya* thứ nhất của Tỳ-khuru.

²⁰¹ [h] Mười loại tinh dịch. Xem điều học *Saṅghādisesa* thứ nhất của Tỳ-khuru.

²⁰² [i] Mười hạng người nữ và mười hạng vợ. Xem điều học *Saṅghādisesa* 5 của Tỳ-khuru.

²⁰³ [j] Mười sự việc được công bố ở thành Vesālī: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngón tay, được phép đi vào làng rồi ăn thêm lần nữa, được phép hành *Uposatha* riêng rẽ, được phép hành sự không đủ Tỳ-khuru, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quá Ngọ, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng tọa cụ không có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc. Xem tr. 951 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv.* II, chương XII, tr. 567.

²⁰⁴ [k] Mười hạng người không nên đánh lễ: Được đề cập ở *Sāḍ.*, chương VI, tr. 179.

²⁰⁵ [l] Mười sự việc của sự mắng nhiếc: Được đề cập ở điều học *Pācittiya* 2 của Tỳ-khuru.

²⁰⁶ [m] Vị tạo ra sự đâm thọc theo mười biểu hiện: Được đề cập ở điều học *Pācittiya* 3 của Tỳ-khuru.

²⁰⁷ [n] Mười loại sàng tọa: Giường ghé, gối, nệm, tấm lót nền, vải phủ giường ghé, thảm trải nền, tấm da thú, tấm lót ngò, thảm cỏ, thảm lá (*VinA.* VII. 1344).

²⁰⁸ [o] Họ đã yêu cầu mười điều ước muốn: Là tám điều ước muốn do bà Visākhā thỉnh cầu, một điều do đức Vua Suddhodana yêu cầu về việc xuất gia phải có phép của cha mẹ và một do thầy thuốc Jīvaka xin đức Phật cho phép các Tỳ-khuru được phép nhận y của gia chủ cúng dường (*Sāḍ.*).

Mười điều lợi ích của cháo. [p]²⁰⁹ Mười loại thịt không được phép. [q]²¹⁰ Mười điều tối đa. Vị Tỳ-khuru mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho Sa-di phục vụ. Vị Tỳ-khuru-ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực, nên cho xuất gia, nên ban phép tu lên bậc trên, nên ban cho phép nương nhờ, nên để cho Sa-di-ni phục vụ. [r]²¹¹ Sự đồng ý về việc tiếp độ nên được chấp thuận cho vị Tỳ-khuru-ni mười năm, có kinh nghiệm, có năng lực. Sự học tập nên được ban cho đến người nữ đã kết hôn khi mười tuổi.

Dứt “Nhóm mười.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. [Mười] sự việc gây nóng giận, cách đối trị, [mười] sự việc [đã được rèn luyện], tà và chánh, [mười] hữu biên [kiến], [mười] sự sai trái, luôn cả [mười] sự đúng đắn, [mười] nghiệp thiện và cả bất thiện nữa.
2. [Mười] cách phân phát thẻ sai Pháp và đúng Pháp, Sa-di, sự trực xuất, lời nói, luôn cả [mười] sự tranh tụng, sự quy định, luôn cả [tội] nhẹ nữa.
3. Các tội nhẹ nặng này, các vị hãy biết tới và sáng, [mười] yếu tố về đại biểu, [mười] điều học, ở hậu cung, các sự việc.
4. Báu vật, nhóm mười, các sự tu lên bậc trên là tương tự y như thế, [mười loại] vải *pamsukūla*, [mười] cách sử dụng y, mười ngày, tinh dịch và [mười] hạng người nữ.
5. [Mười] hạng vợ, mười sự việc, không đánh lễ, với sự mắng nhiếc, luôn cả các sự đâm thọc, các sàng tọa, [mười] điều ước muốn và các sự sai Pháp.
6. Các sự đúng Pháp, cháo và thịt, [mười] điều tối đa, vị Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru-ni, các sự tiếp độ, các người nữ đã kết hôn, nhóm mười đã khéo được giảng giải.

--ooOoo--

NHÓM MƯỜI MỘT

1. Mười một hạng người chưa được tu lên bậc trên thì không nên cho tu lên bậc trên, đã được tu lên bậc trên thì nên trực xuất. [a]²¹² Mười một loại giày

²⁰⁹ [p] Mười điều lợi ích của cháo. Xem tr. 288 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv.* II, chương VI, tr. 45.

²¹⁰ [q] Mười loại thịt không được phép: Là thịt người, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn, thịt sư tử, thịt hổ, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói (*Sđđ.*, tr. 39-43).

²¹¹ [r] Ở điều này và điều kế, có sự lầm lẫn vì Tỳ-khuru-ni phải là “mười hai năm” thâm niên mới có thể tiếp độ đệ tử, còn trường hợp “mười năm” là dành cho Tỳ-khuru (ND).

²¹² [a] Mười một hạng người trên: Kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khuru], kẻ bỏ theo ngoại đạo, loài thú, kẻ giết mẹ, kẻ giết cha, kẻ giết A-la-hán, kẻ làm nhơ Tỳ-khuru-ni, kẻ chia rẽ hội chúng, kẻ làm [đức Phật] chảy máu, kẻ lường căn. Xem tr. 105-10 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv.* I, chương I, tr. 213-21.

không được phép. [b]²¹³ Mười một loại bình bát không được phép. [c]²¹⁴ Mười một loại y không được phép. [d]²¹⁵ Mười một tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba. [e]²¹⁶ Mười một pháp chứng ngại của Tỳ-khuru-ni cần được hỏi. [f]²¹⁷ Mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng. [g]²¹⁸ Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung. [h]²¹⁹ Khi rạng đông của ngày thứ mười một thì phạm vào *Nissaggiya*. Mười một loại khóa thắt lưng được phép. Mười một loại hột nút được phép. [i]²²⁰ Mười một loại đất không được phép. Mười một loại đất được phép. [j]²²¹ Mười một trường hợp đình chỉ việc nương nhờ. [k]²²² Mười một hạng người không nên đánh lễ. [l]²²³ Mười một điều tối đa. Họ đã yêu cầu mười một điều ước muốn. [m]²²⁴ Mười một sự sai trái của ranh giới. [n]²²⁵ Mười một tai họa là điều hiển nhiên cho người mắng nhiếc và người gièm pha.

²¹³ [b] Mười một loại giày không được phép: Là mười loại giày làm bằng vật quý giá: Làm bằng vàng, bằng bạc, bằng ngọc ma-ni, bằng đá quý, bằng pha lê, bằng đồng đỏ, bằng thủy tinh, bằng thiếc, bằng chì, bằng đồng thau và loại giày làm bằng gỗ là mười một (*VinA*. VII. 1344).

²¹⁴ [c] Mười một loại bình bát không được phép: Là loại bình bát bằng đồng đỏ hay bằng gỗ và mười loại bình bát làm bằng vật quý giá (*Sđđ.*).

²¹⁵ [d] Mười một loại y không được phép: Y toàn màu xanh, y toàn màu vàng, y toàn màu đỏ [máu], y toàn màu tím, y toàn màu đen, y toàn màu đỏ tía, y toàn màu hồng, y không cắt đường viền, y có đường viền rộng, y có đường viền vẽ bông hoa, y có đường viền vẽ hình rắn hổ mang. Xem tr. 391 trong tập này; *TTPV*, tập 5, *Mv*. II, chương VIII, tr. 225.

²¹⁶ [e] Mười một tội vi phạm [khi được nhắc nhở] cho đến lần thứ ba: Là tội *Pārājika* 3 của Tỳ-khuru-ni, 8 tội *Saṅghādisesa*, tội *Pācittiya* 68 về Tỳ-khuru Aritṭha và tội *Pācittiya* 36 của Tỳ-khuru-ni Caṇḍakālī (*VinA*. VII. 1344).

²¹⁷ [f] Mười một pháp chứng ngại của Tỳ-khuru-ni cần được hỏi: “Cô không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bị băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bị rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người lại đực? Cô không phải là người tiêu tiêu chung một khiêu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn?” Xem tr. 922 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương X, tr. 513.

²¹⁸ [g] Mười một loại y được chú nguyện để dùng riêng: Ba y, y tắm mưa, tọa cụ, ngoại cụ, y đắp ghé, khăn lau mặt, y phụ thuộc, vải choàng tắm và áo lót của Tỳ-khuru-ni (*VinA*. VII. 1345).

²¹⁹ [h] Mười một loại y không được chú nguyện để dùng chung: Do đã được chú nguyện để dùng riêng trong thời kỳ thích hợp thì không nên chú nguyện để dùng chung (*Sđđ.*).

²²⁰ [i] Mười một loại hột nút được phép: Là các hột nút được làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng chỉ sợi. Xem tr. 745 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương V, tr. 95.

²²¹ [j] Mười một loại đất không được phép và mười một loại đất được phép: Ngài Buddhaghosa giải thích là được đề cập ở điều học *Pācittiya* 10 (*VinA*. VII. 1345); tuy nhiên ở đây chỉ có hai loại đất được nêu ra là đất màu mỡ và đất không màu mỡ.

²²² [k] Mười một trường hợp đình chỉ việc nương nhờ: Là năm đối với thầy tế độ, sáu đối với thầy dạy học (*Sđđ.*).

²²³ [l] Mười một hạng người không nên đánh lễ: Thêm vị lỏa thể là mười một. Mười hạng đã được trình bày ở nhóm mười (*Sđđ.*).

²²⁴ [m] Họ đã yêu cầu mười một điều ước muốn: Ngài Buddhaghosa giảng rằng điều ước muốn thứ mười một là của bà Mahāpajāpati Gotamī yêu cầu việc các Tỳ-khuru và Tỳ-khuru-ni thực hành phận sự thích hợp là sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, [và] hành động thích hợp tính theo thâm niên (xem tr. 907 trong tập này; *TTPV*, tập 7, *Cv*. II, chương X, tr. 479); nhưng điều này đã bị đức Phật từ chối (*VinA*. VII. 1345).

²²⁵ [n] Mười một sự sai trái của ranh giới: Được trình bày không liên tục ở phần thực hiện ranh giới bắt đầu với việc ấn định ranh giới quá nhỏ, v.v... Xem tr. 131 trong tập này; *TTPV*, tập 4, *Mv*. I, chương II, tr. 263.

2. Khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích là điều hiển nhiên: Ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không nhìn thấy ác mộng, được mọi người thương mến, được các phi nhân thương mến, chư thiên hộ trì, lửa hoặc chất độc hoặc vũ khí không xâm phạm vị ấy, tâm được nhập định nhanh chóng, sắc mặt được an tịnh, không mê mờ khi từ trần, trong khi không thể nhập được trạng thái cao thượng [phẩm vị A-la-hán] thì đi đến thế giới Phạm thiên; khi tâm từ là sự giải thoát của ý được tập luyện, được phát triển, được thực hành đều đặn, được làm thành phương tiện, được làm thành nền tảng, được duy trì, được tích lũy, khéo được thành tựu viên mãn, mười một điều lợi ích này là điều hiển nhiên.

Dứt “Nhóm mười một.”

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY:

1. Các hạng nên trục xuất, các loại giày, các bình bát, các y, lần thứ ba, các điều nên hỏi, các sự chú nguyện dùng riêng và dùng chung.

2. Lúc rạng đông, các khóa thắt lưng, các hột nút, các điều không được phép và được phép, việc nương nhờ, luôn cả các hạng không nên đánh lễ, các điều tối đa, các điều ước muốn, các sự sai trái của ranh giới, các sự mắng nhiếc, với tâm từ là nhóm mười một đã được hoàn tất.

Dứt “Tăng theo từng bậc.”

TÓM LƯỢC CÁC CHƯƠNG NÀY:

1. Nhóm một, nhóm hai, luôn cả nhóm ba, bốn và nhóm năm, sáu, bảy, tám, nhóm chín, mười và nhóm mười một.

2. Vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, các điều tăng theo từng bậc không ô nhiễm đã được thuyết giảng bởi đáng Đại Hùng, bậc Hiểu Pháp như thế ấy.

--ooOoo--